

Số: 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trường Đại học Đông Đô

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 534/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân Lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường Đại học tư thực;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô gồm 11 Chương, 66 Điều được Hội đồng trường thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2023.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/QĐ-ĐHĐĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô.

Điều 3: Các đơn vị trong trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội nghị NĐT, HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT *đ*

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH


TS. Trịnh Hữu Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ

ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại Học Đông Đô)

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Vị trí pháp lý của Trường.....	2
Điều 4. Ngày truyền thống, bài hát truyền thống, biểu trưng	2
Điều 5. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, giá trị văn hóa và khẩu hiệu hành động	3
Điều 6. Chức năng của Trường	4
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường	4
Điều 8. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Trường	5
Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể và tổ chức xã hội.....	6
Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, NHÀ ĐẦU TƯ.....	6
Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần.....	6
Điều 11. Nhà đầu tư	7
Điều 12. Sổ đăng ký Nhà đầu tư	10
Điều 13. Cổ phiếu.....	10
Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 15. Trả cổ tức.....	12
Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	13
Điều 16. Cơ cấu tổ chức của Trường	13
Điều 17. Hội nghị Nhà đầu tư.....	13
Điều 18. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội nghị Nhà đầu tư hoặc Hội đồng Trường chấp thuận	16
Điều 19. Thủ tục thành lập hội đồng trường, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, công nhận hiệu trưởng của Trường	17

Điều 20. Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Trường.....	19
Điều 21. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng trường	21
Điều 22. Chủ tịch Hội đồng Trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường và Thành viên Hội đồng trường	22
Điều 23. Việc bổ sung, thay thế, chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng trường; việc thành lập Hội đồng trường khi hết nhiệm kỳ	25
Điều 24. Thường trực Hội đồng trường, Ban kiểm soát và Bộ máy giúp việc của Hội đồng trường	27
Điều 25. Kinh phí hoạt động của Hội đồng trường.....	29
Điều 26. Hiệu trưởng.....	29
Điều 27. Phó Hiệu trưởng	32
Điều 28. Hội đồng Khoa học và Đào tạo	32
Điều 29. Hội đồng tư vấn.....	33
Điều 30. Khoa chuyên môn.....	34
Điều 31. Bộ môn thuộc khoa, Tổ bộ môn thuộc Bộ môn thuộc Trường (sau đây gọi chung là Bộ môn thuộc Khoa)	37
Điều 32. Viện nghiên cứu, quản lý khoa học và công nghệ	38
Điều 33. Các phòng chức năng và tương đương (sau đây gọi là Phòng)	39
Điều 34. Trung tâm	40
Điều 35. Thư viện, trang thông tin điện tử, tạp chí khoa học công nghệ và phát triển	41
Điều 36. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu, các cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác.....	41
Chương IV. NHÂN SỰ.....	42
Điều 37. Cơ cấu nhân sự	42
Điều 38. Tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, đào tạo, sử dụng cán bộ, người lao động.....	42

Điều 39. Nguyên tắc chung trong hoạt động nghề nghiệp của cán bộ, giảng viên và người lao động làm việc theo hợp đồng	43
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, người lao động	43
Điều 41. Giảng viên	44
Điều 42. Người học	46
Chương V. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ..	47
Điều 43. Nội dung hoạt động đào tạo	47
Điều 44. Thời gian đào tạo	48
Điều 45. Ngành đào tạo và hình thức đào tạo của trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	48
Điều 46. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	48
Điều 47. Tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	49
Điều 48. Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	50
Điều 49. Đánh giá kết quả học tập của người học ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	50
Điều 50. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	50
Điều 51. Quản lý văn bằng, chứng chỉ	51
Chương VI. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ	52
Điều 52. Hoạt động hợp tác, liên kết trong nước	52
Điều 53. Hoạt động hợp tác, liên kết quốc tế	52
Chương VII. HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, THANH TRA, PHÁP CHẾ	54
Điều 54. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đào tạo	54
Điều 55. Hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo	54
Điều 56. Hoạt động thanh tra	55
Điều 57. Hoạt động pháp chế	55

Chương VIII. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN	56
Điều 58. Nguyên tắc quản lý tài chính.....	56
Điều 59. Quản lý và sử dụng tài sản	58
Chương IX. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI.....	58
Điều 60. Quan hệ giữa Nhà trường và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp	58
Điều 61. Quan hệ giữa Trường đối với các bên liên quan trong xã hội.....	59
Chương X. CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ	60
Điều 62. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	60
Điều 63. Chuyển đổi và giải thể.....	60
Điều 64. Thanh lý và tranh tụng.....	61
Chương XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	61
Điều 65. Hiệu lực thi hành	61
Điều 66. Tổ chức thực hiện.....	61

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ
ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) quy định vị trí pháp lý, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu hành động, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động; cơ cấu tổ chức và nhân sự, giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc của Trường Đại học Đông Đô (sau đây gọi tắt là “Trường”); nguyên tắc làm việc và mối quan hệ công tác của tập thể và cá nhân; tài chính, tài sản; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức và cá nhân thuộc cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Đông Đô, bao gồm cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học của Trường.

3. Các quy định, quy chế nội bộ khác của Trường được ban hành phải phù hợp với quy định của pháp luật và của Quy chế này; trường hợp có quy định không phù hợp với nội dung Quy chế này thì áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Góp vốn*” là việc đưa tài sản vào nhà trường để trở thành chủ sở hữu của nhà trường. Tài sản góp vốn có thể bằng đồng Việt Nam (VNĐ), vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất (đất), giá trị quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác được ghi trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Tổng giá trị các tài sản do các cá nhân đóng góp được quy đổi thành VNĐ theo thời giá quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm góp vốn tạo thành vốn của trường.

2. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị số vốn góp bằng đồng Việt Nam của tất cả các thành viên góp vốn, được ghi vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ có thể được tăng hoặc giảm theo nhu cầu xây dựng, phát triển Nhà trường và theo quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư.

3. “*Phần vốn góp*” là tỷ lệ tính bằng % (phần trăm) của phần vốn mà từng chủ sở hữu đóng góp so với vốn điều lệ.

4. “*Thành viên sáng lập*” là người tham gia trực tiếp đề xuất, chuẩn bị thành lập Trường, có tên trong danh sách thành viên sáng lập tại hồ sơ đề nghị thành lập Trường; tham gia xây dựng và thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động đầu tiên của Nhà trường và có số vốn góp đáp ứng quy định của trường.

5. “*Cổ phần*” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là “*Cổ phần*”.

6. “*Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu*” là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Vị trí pháp lý của Trường

1. Trường Đại học Đông Đô là cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

Tên tiếng Anh của Trường: **Dong Do University**

Tên giao dịch viết tắt: **DDU**

3. Địa chỉ trụ sở chính của Trường: Km25, Quốc lộ 6, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

4. Địa chỉ Văn phòng: số 60B phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 243 771 9960 Fax: 84-0243 771 9957

Website: <http://daihocdongdo.edu.vn/> E-mail: contact@hdiu.edu.vn

Ngoài trụ sở chính, Trường có các văn phòng đại diện, cơ sở đào tạo, phân hiệu hoặc hình thức pháp lý khác phù hợp tại các địa phương trong cả nước và ở nước ngoài theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Ngày truyền thống, bài hát truyền thống, biểu trưng

1. Ngày truyền thống của Trường: ngày 03 tháng 10

2. Bài hát truyền thống của Trường: Bài ca Đông Đô – Nhạc và lời: Nguyễn Mạnh Hùng.

3. Biểu trưng của Trường:

a) Biểu trưng chính thức của Trường được thể hiện trong Phụ lục I của Quy chế này.

b) Biểu trưng của Trường được mô tả cụ thể như sau: Biểu trưng được thể hiện bằng hình bông sen 5 cánh cách điệu với 3 cánh màu hồng cánh sen ở giữa và 2 cánh màu xanh lá cây ở ngoài; phần chữ có tên viết tắt DDU, Dong Do University, Be International.

Việc sử dụng tên gọi, biểu tượng và bộ nhận diện thương hiệu của Trường phải thực hiện theo đúng hướng dẫn đã được Hội đồng Trường phê duyệt.

Điều 5. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, giá trị văn hóa và khẩu hiệu hành động

1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Đông Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, trình độ cao; thực hiện nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo đa ngành để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. Tầm nhìn

Phải luôn luôn thích nghi với sự biến đổi của những thành tựu về khoa học, cuộc cách mạng 4.0 và sự biến đổi của thị trường sức lao động để thay đổi nội dung, phương pháp lãnh đạo, quản lý, dạy và học.

Đến năm 2030 trường phải đạt thương hiệu cao ở tầm quốc gia và đến năm 2040 phải có thương hiệu tầm quốc tế.

3. Giá trị cốt lõi

Tạo ra môi trường thuận lợi để mọi người phát huy sáng tạo, phát triển tài năng; mang lại cho người học môi trường học tập, nghiên cứu tiên tiến để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, sáng kiến để tự thân lập nghiệp, cạnh tranh được về việc làm và cơ hội học tập trong môi trường quốc tế;

Coi trọng chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững;

Đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực, trình độ cao.

4. Triết lý giáo dục

Học để làm việc

5. Giá trị văn hoá

Văn hóa được xem là một phần không thể thiếu kiến tạo nên một tập thể, một môi trường giáo dục. Văn hóa chính là sức mạnh thúc đẩy mỗi cá nhân trong một tập thể không ngừng nỗ lực, sáng tạo vì lợi ích chung và những giá trị mà người học, người làm hướng tới.

“Đạo đức - Chuyên nghiệp - Sáng tạo” trên tinh thần đổi mới, minh bạch, là nét văn hóa nổi bật trong quá trình phát triển của Trường Đại học Đông Đô. Trong đó:

Đạo đức: Trường Đại học Đông Đô luôn đề cao giá trị đạo đức, tính trung thực của mỗi cá nhân đối với tập thể, của nhà trường đối với xã hội.

Chuyên nghiệp: Trường Đại học Đông Đô yêu cầu tính chuyên nghiệp trong các hoạt động và trách nhiệm đối với tập thể, trách nhiệm đối với xã hội. Mỗi thành viên phải thực sự chuyên nghiệp, trách nhiệm, cống hiến, tôn trọng

luật pháp và quy định của Nhà trường. Nhà trường cam kết và thực hiện nghiêm túc các cam kết của nhà trường với người học, với xã hội.

Sáng tạo: Trường Đại học Đông Đô luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong công việc. Luôn tôn trọng sự khác biệt trong giảng dạy và nghiên cứu, trong xây dựng và phát triển nhà trường.

6. Khẩu hiệu hành động: Đoàn kết – Đổi mới – Bứt phá

Điều 6. Chức năng của Trường

1. Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; tổ chức hoạt động giáo dục thường xuyên, cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu học tập của người học.

2. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân.

4. Dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và đào tạo; dịch vụ nhân lực và các dịch vụ liên quan đến chức năng của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển Nhà trường; xây dựng kế hoạch công tác dài hạn, trung hạn, hàng năm của Trường.

2. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình đào tạo; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng nhận, chứng chỉ theo thẩm quyền.

3. Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu độ tuổi và giới, đạt chuẩn về trình độ được đào tạo theo quy định.

4. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong trường.

5. Tuyển sinh và quản lý người học, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học; phối hợp với gia đình người học, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

6. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; sử dụng nguồn thu từ các hoạt động giáo dục và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

8. Tổ chức cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội.

9. Tự đánh giá chất lượng giáo dục theo chuẩn đầu ra và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

10. Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; thực hiện dịch vụ khoa học, sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

11. Liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế trong và ngoài nước; nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với sử dụng, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Nhà trường.

12. Xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, các hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường, về quá trình học tập và phát triển sau tốt nghiệp của người học; tham gia dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực đào tạo của trường.

13. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Nhà trường.

14. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Chấp hành pháp luật về giáo dục; thực hiện xã hội hóa giáo dục.

15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật, thực hiện công tác thanh tra theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Trường

1. Tuân thủ pháp luật

Trường Đại học Đông Đô được thành lập theo Quyết định số 534/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1994 và chuyển đổi theo Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hoạt động theo Luật Giáo dục đại học, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Công khai, minh bạch và tự chủ tài chính

Trường Đại học Đông Đô là trường đào tạo nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, cung ứng nhân lực cho đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trường đào tạo định hướng ứng dụng, thực hành các kiến trúc sư, kỹ sư, cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ (và một số hình thức khác theo quy định) có phẩm chất đạo đức, có kiến thức cơ bản và chuyên sâu tương ứng với bậc đào tạo, có năng lực thực hành vững vàng, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Toàn bộ vốn của Trường Đại học Đông Đô là do các Nhà đầu tư đóng góp và Trường hoàn toàn tự chủ về tài chính, việc quản lý tài chính vận dụng theo các nguyên tắc của công ty cổ phần và các quy định về chế độ tài chính của Nhà nước đối với trường đại học.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể và tổ chức xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các tổ chức xã hội khác trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

3. Trường có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Trường là 368.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám tỉ đồng).

2. Vốn điều lệ được chia ra làm nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000đ (Mười nghìn đồng).

3. Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm theo yêu cầu tình hình hoạt động của trường và do Hội nghị Nhà đầu tư quyết định trên cơ sở pháp luật có liên quan.

4. Cổ phần phổ thông: Người sở hữu cổ phần phổ thông là Nhà đầu tư phổ thông.

5. Cổ phần ưu đãi: Người có công lao thành tích với Trường, được Trường tặng một số cổ phần từ số lợi tức của Trường. Cổ phần ưu đãi chỉ được hưởng cổ tức có xác định thời hạn, không có quyền chuyển nhượng và một số quyền khác như cổ phần phổ thông. Số cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông khi có nghị quyết thống nhất của Hội nghị các Nhà đầu tư.

Điều 11. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đầu tư thành lập Trường, Trường hoạt động không vì lợi nhuận bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm sau đây:

a) Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển Trường, kế hoạch phát triển trường đại học thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác theo đề xuất của hội đồng trường;

b) Quyết định tổng vốn góp của nhà đầu tư, dự án đầu tư phát triển Trường, việc huy động vốn đầu tư (nếu có); phương án sử dụng phân chênh lệch thu chi hằng năm hoặc phương án xử lý lỗ của Trường; thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Trường;

c) Bầu hoặc cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên bầu của hội đồng trường; thông qua tiêu chuẩn, phương án nhân sự hiệu trưởng Trường do hội đồng trường đề xuất;

d) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của hội đồng trường;

đ) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính của cơ sở giáo dục đại học; thông qua nội dung liên quan đến tài chính, tài sản trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, về chính sách tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh quản lý trong Trường;

e) Góp vốn đầy đủ, đúng hạn và giám sát việc góp vốn vào Trường theo đề án thành lập Trường;

g) Thành lập ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các đơn vị trong Trường; thủ tục thành lập, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của hội đồng trường gây thiệt hại cho cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật;

k) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư vào Trường trên trang thông tin điện tử của Trường;

l) Trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan;

m) Nhà đầu tư thành lập Trường hoạt động không vì lợi nhuận được vinh danh về công lao góp vốn đầu tư thành lập, xây dựng và phát triển Trường.

3. Nhà đầu tư có quyền hạn sau đây:

a) Được tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Hội nghị Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tương ứng với phần vốn góp đang sở hữu;

b) Được chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của trường theo mức quy định trong báo cáo tài chính hàng năm của trường; Được ưu tiên góp thêm vốn khi Nhà trường tăng vốn điều lệ; được ưu tiên mua lại phần vốn chuyển nhượng tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Nhà đầu tư trong trường;

c) Được ưu tiên việc làm, công việc quản lý phù hợp với năng lực cá nhân theo quy định của pháp luật và quy định của Nhà trường;

d) Được cung cấp báo cáo tài chính hàng năm của Trường; có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Trường cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về tình hình và kết quả hoạt động của Nhà trường; Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu trên 10% vốn điều lệ được xem xét và trích lục sổ biên bản, nghị quyết của Hội đồng Trường, báo cáo tài chính, báo cáo của Ban Kiểm soát và tài liệu khác của Nhà trường theo quy định tại Quy chế này;

4. Nhà đầu tư hoặc nhóm các Nhà đầu tư sở hữu 10% vốn góp trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng Trường;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Trường, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;

c) Yêu cầu triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư trong trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Trường vi phạm nghiêm trọng quyền của Nhà đầu tư, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Trường đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Trường mới chưa được thành lập thay thế;

c) Yêu cầu triệu tập Hội nghị Nhà đầu tư phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Nhà đầu tư là cá nhân; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký góp cổ phần của từng Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng cổ phần của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Trường; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Trường; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Trường, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

6. Việc đề cử người vào Hội đồng Trường quy định tại Khoản 4 Điều này được thực hiện như sau:

a) Người được đề cử vào Hội đồng Trường là người có từ 1% trở lên số cổ phần so với tổng số cổ phần của Trường tại thời điểm họp Hội nghị và các chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động chuyên môn và dịch vụ của Trường có ít hơn 1% cổ phần hoặc các chuyên gia không có cổ phần phổ thông tại thời điểm họp Hội nghị Nhà đầu tư, nhưng phải được đề cử bởi Nhà đầu tư hay nhóm các Nhà đầu tư có từ 10% số cổ phần trở lên tại thời điểm họp Hội nghị Nhà đầu tư đề cử.

b) Các Nhà đầu tư (sở hữu cổ phần phổ thông) tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng Trường, phải thông báo về việc họp nhóm cho các Nhà đầu tư dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Hội nghị Nhà đầu tư.

c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Trường, Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư làm ứng cử viên Hội đồng Trường đại diện cho những người góp vốn. Trường hợp số ứng cử viên được Nhà đầu tư hoặc nhóm nhóm Nhà đầu tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Trường và các Nhà đầu tư khác đề cử.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

7. Nghĩa vụ của Nhà đầu tư sở hữu cổ phần phổ thông

a) Nộp đủ số cổ phần cam kết mua theo các điều kiện Hội nghị Nhà đầu tư quyết định khi phát hành cổ phiếu;

b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Trường dưới mọi hình thức, chỉ được quyền chuyển nhượng khi có người khác mua lại cổ phần theo thể thức quy định tại Quy chế này.

c) Phải tuân thủ Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Trường, chấp hành các quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư và Hội đồng Trường;

d) Nhà đầu tư phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Trường dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Kinh doanh hoặc giao dịch để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Phương thức đầu tư của Nhà đầu tư:

a) Việc đầu tư vào Trường được thực hiện bằng phương thức đầu tư trực tiếp vào Trường theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Trong trường hợp này, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường phải quy định cụ thể về Hội nghị Nhà đầu tư và các phương thức hoạt động của Nhà đầu

tư; việc lựa chọn áp dụng quy định của pháp luật liên quan về công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc quỹ xã hội để giải quyết những vấn đề trong Trường mà Luật Giáo dục đại học chưa quy định; trách nhiệm và quyền hạn của Nhà đầu tư, Ban Kiểm soát phù hợp với quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc quỹ xã hội được lựa chọn.

b) Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp để tổ chức kinh tế thành lập, vận hành Trường theo quy định của Luật Giáo dục đại học phải do Hội nghị Nhà đầu tư quyết định.

9. Chuyển nhượng vốn và rút vốn đầu tư vào Trường

a) Việc chuyển nhượng quyền sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn trong Trường được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của Trường, phù hợp với các quy định của pháp luật, bảo đảm sự ổn định, phát triển của cơ sở giáo dục đại học và phải tuân thủ các nguyên tắc chuyển nhượng sau đây:

- Người có nhu cầu chuyển nhượng thông báo các điều kiện chuyển nhượng với Hội đồng Trường;

- Hội đồng Trường thông báo các điều kiện chuyển nhượng đến các thành viên góp vốn còn lại và công khai với người lao động của nhà trường với cùng điều kiện; thông báo phải có giá trị ít nhất 30 ngày, kể từ ngày thông báo;

- Việc chuyển nhượng thực hiện theo thứ tự: Giữa các thành viên góp vốn của Trường theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của từng thành viên; cho người lao động trong nhà trường nếu các thành viên góp vốn không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết; cho người không phải là thành viên góp vốn và người lao động trong cơ sở giáo dục đại học nếu người lao động của Trường không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết.

b) Việc rút vốn góp vào Trường phải theo quy định của pháp luật, các quy chế của cơ sở giáo dục đại học và bảo đảm sự ổn định, phát triển của Trường.

c) Việc xử lý về tài chính, tài sản trong trường hợp Trường giải thể được áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Trường phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Nhà đầu tư.

2. Sổ đăng ký Nhà đầu tư phải được lập và lưu giữ tại Văn phòng Hội đồng Trường.

3. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này và phải có các nội dung theo quy định.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Trường phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu cổ phần của sở hữu chủ.

2. Cổ phiếu của Trường là loại cổ phiếu ký danh (có ghi tên người thụ hưởng).

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng Trường quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Nhà đầu tư sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả Nhà đầu tư theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Trường;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Trường phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho tất cả Nhà đầu tư phổ thông, theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Trường thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường phải thông báo bằng văn bản đến các Nhà đầu tư theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;

b) Nhà đầu tư có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

c) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Trường đúng hạn như thông báo thì Nhà đầu tư có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Nhà đầu tư và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết, thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Trường quản lý. Hội đồng Trường có thể phân phối số cổ phần đó cho Nhà đầu tư của Trường hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Nhà đầu tư, trừ trường hợp Hội nghị Nhà đầu tư có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán và thông báo rõ cho Hội nghị Nhà đầu tư và Ban Kiểm soát biết;

d) Cổ phần được coi là đã được bán khi người mua đã thanh toán đủ và các thông tin về Nhà đầu tư đã ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Từ thời điểm đó người mua đã trở thành Nhà đầu tư của Trường;

e) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Nhà đầu tư; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Nhà đầu tư của Trường;

f) Sau khi cổ phần được bán, Trường phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Trường có thể bán cổ phần mà không trao đổi cổ phiếu. Trong

trường hợp này, các thông tin về Nhà đầu tư theo quy định được ghi vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Từ thời điểm đó người mua đã trở thành Nhà đầu tư của Trường;

g) Trường có quyền mua lại một số cổ phần phổ thông của các Nhà đầu tư chào bán vì họ cần thu hồi vốn hoặc vì không nhất trí với nghị quyết nào đó của Trường. Cổ phần mua lại là tài sản của Trường, nghĩa là của tất cả các Nhà đầu tư còn lại. Giá cả mua bán là giá thỏa thuận và không thể thấp hơn giá cổ phiếu của Nhà đầu tư khi mua lại và không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

Tổng trị giá cổ phần mà Trường mua lại không được lớn hơn 10% tổng tài sản của Trường. Hội đồng Trường phải chịu trách nhiệm về quyết định mua lại trước Hội nghị Nhà đầu tư là việc mua lại không làm tổn hại đến hoạt động của Trường.

Tất cả các cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu của cổ phần Trường mua lại phải tiêu hủy ngay sau khi đã thanh toán đủ cho bên bán.

3. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Cổ phần, trái phiếu của Trường có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện trong năm tài chính và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận tích lũy trước đó giữ lại của Trường. Trường chỉ được trả cổ tức cho Nhà đầu tư khi Trường đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ và bù đắp đủ số lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Quy chế này; ngay sau khi trả hết số cổ tức cho Nhà đầu tư theo quy định, Trường vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Trường hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Nhà đầu tư đã đăng ký.

3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Trường đã có đủ chi tiết thông tin về ngân hàng của Nhà đầu tư, để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư. Nếu Trường đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Nhà đầu tư thì Trường không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

4. Hội đồng Trường phải lập danh sách Nhà đầu tư được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký cho tất cả Nhà đầu tư chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp Nhà đầu tư chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà đầu tư và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Trường.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 16. Cơ cấu tổ chức của Trường

1. Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm:

- a) Hội nghị Nhà đầu tư;
- b) Hội đồng Trường;
- c) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- d) Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác (nếu có);
- đ) Khoa, Bộ môn thuộc Trường;
- e) Ban Kiểm soát;
- g) Phòng, ban chức năng, thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác; Viện nghiên cứu, Trung tâm, công ty, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Hệ thống Văn phòng tuyển sinh và hỗ trợ đào tạo, đại lý tuyển sinh, trạm đào tạo từ xa... tại các tỉnh thành trong nước và nước ngoài;
- h) Phân hiệu (nếu có);
- i) Cơ quan báo chí;
- k) Những đơn vị khác thuộc Trường, trực thuộc Trường được Hội đồng Trường quyết định thành lập mới theo quy định của pháp luật hoặc do điều chỉnh cơ cấu tổ chức;

Danh sách các đơn vị thuộc Trường, trực thuộc Trường được quy định cụ thể tại Phụ lục II của Quy chế này;

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự của Trường được Ban Giám hiệu đệ trình, Chủ tịch Hội đồng Trường phê duyệt làm căn cứ thực hiện phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Nhà trường.

2. Hội đồng trường xem xét, quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị thuộc Trường, đơn vị trực thuộc Trường phù hợp với các quy định của pháp luật và nhu cầu phát triển của Trường.

Điều 17. Hội nghị Nhà đầu tư

1. Hội nghị Nhà đầu tư là hội nghị của tất cả các Nhà đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Đông Đô theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 và Điều 11 Quy chế này.

Danh sách có quyền dự Hội nghị Nhà đầu tư được lập dựa trên sổ đăng ký Nhà đầu tư của Trường. Danh sách có đầy đủ các yếu tố: lý lịch, số lượng từng loại cổ phần, số và ngày đăng ký đầu tư của từng Nhà đầu tư. Danh sách Nhà đầu tư có quyền dự họp Hội nghị Nhà đầu tư được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất hai mươi ngày trước ngày khai mạc họp Hội nghị Nhà đầu tư.

2. Hội nghị Nhà đầu tư có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Bầu đại diện thành viên góp vốn tham gia vào Hội đồng Trường; bầu, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Trường; giải quyết các yêu cầu bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Trường là đại diện thành viên góp vốn; đề xuất với Hội đồng Trường về việc không công nhận đại diện thành viên góp vốn trong Hội đồng Trường;

b) Thông qua chiến lược đầu tư và kế hoạch phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường do Hội đồng Trường đề xuất;

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Trường, những quy định có liên quan đến tài chính trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường;

d) Thông qua quy chế tài chính, chi tiêu nội bộ của Trường;

đ) Thông qua nghị quyết về tăng, giảm vốn điều lệ, kế hoạch huy động vốn dưới mọi hình thức;

e) Thông qua Báo cáo của Hội đồng Trường và Ban Kiểm soát;

f) Quyết định mức chia cổ tức;

g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

3. Hội nghị Nhà đầu tư họp thường niên bắt buộc mỗi năm một lần trong thời gian 4 tháng đầu của năm tài chính.

4. Cuộc họp bất thường của Hội nghị Nhà đầu tư được triệu tập theo một trong những trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Trường hoặc có ít nhất 1/2 số thành viên Hội đồng Trường kiến nghị tổ chức cuộc họp vì lợi ích của Trường;

b) Cần bổ sung hoặc thay thế thành viên góp vốn của Hội đồng Trường;

c) Cá nhân hoặc nhóm Nhà đầu tư góp vốn sở hữu trên 10% tổng số vốn góp kiến nghị họp bằng văn bản khi phát hiện Hội đồng Trường vi phạm nghiêm trọng quyền của Nhà đầu tư hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền, trái với Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của Nhà trường;

d) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

5. Điều kiện tiến hành họp Hội nghị Nhà đầu tư:

a) Cuộc họp Hội nghị Nhà đầu tư được gọi là họp lệ khi có số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 51% tổng số vốn góp tham dự cuộc họp;

b) Để xử lý cùng một nội dung công việc, trường hợp cuộc họp Hội nghị Nhà đầu tư lần thứ nhất không đảm bảo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ nhất, Hội nghị Nhà đầu tư được triệu tập họp lần thứ 2 không phụ thuộc vào số lượng và tỷ lệ số vốn góp của các thành viên góp vốn dự họp;

c) Việc triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư (thường niên hoặc bất thường) phải được thực hiện theo hình thức thông báo mời họp bằng văn bản; thông báo mời họp phải kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp, thời gian, địa điểm cuộc họp và các tài liệu liên quan và phải được gửi cho tất cả các thành viên góp vốn bằng hình thức thư bảo đảm hoặc thư phát chuyển nhanh, có ký xác nhận của người nhận ít nhất 05 ngày trước ngày họp;

Nhà đầu tư không tham dự Hội nghị Nhà đầu tư có thể ủy quyền đại diện cho Người khác tham dự cuộc họp hoặc ủy quyền cho một trong các Nhà đầu tư trong danh sách mà Ban tổ chức Hội nghị đã gửi đến quý Nhà đầu tư, họ là các Nhà đầu tư có số cổ phần trên 1% vốn điều lệ (danh sách chỉ là những gợi ý nêu ra, còn quyền chọn lựa người ủy quyền là quyền của Nhà đầu tư). Nhà đầu tư cần ủy quyền phải ghi vào giấy ủy quyền của Trường gửi kèm theo giấy mời họp. Trong giấy ủy quyền có ghi rõ nội dung: Nhà đầu tư ủy quyền, số đăng ký Nhà đầu tư, số cổ phần sở hữu, có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải gửi về văn phòng Hội đồng Trường chậm nhất là 01 ngày trước khi họp Hội nghị;

d) Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 11 của Quy chế này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Hội nghị Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Trường (Văn phòng Hội đồng Trường) chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Nhà đầu tư, số lượng cổ phần của Nhà đầu tư, số và ngày đăng ký Nhà đầu tư tại Trường, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp và chỉ có Hội nghị Nhà đầu tư mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

Người triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư chỉ có quyền từ chối kiến nghị nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn quy định;
- Vấn đề, kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư;

đ) Các cuộc họp thường niên hoặc bất thường của Hội nghị Nhà đầu tư do Chủ tịch Hội đồng Trường triệu tập; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng

Trường không triệu tập họp theo kế hoạch của Hội đồng Trường hoặc theo kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này thì sau 07 ngày kể từ ngày dự kiến họp theo kế hoạch của Hội đồng Trường hoặc sau 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị họp bất thường, các thành viên góp vốn có kiến nghị triệu tập họp nêu ở Khoản 4 Điều này chọn một thành viên Hội đồng Trường hoặc Ban Kiểm soát triệu tập họp Hội nghị Nhà đầu tư và cuộc họp đó được coi là họp lệ.

6. Nội dung các cuộc họp Hội nghị Nhà đầu tư phải được ghi đầy đủ vào biên bản cuộc họp và được thông qua ngay tại cuộc họp, có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp và phải được gửi đến từng Nhà đầu tư, thành viên Hội đồng Trường và Ban Kiểm soát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

7. Quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp có hiệu lực khi được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp chấp thuận, trừ trường hợp có quy định cao hơn của pháp luật hoặc của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Việc biểu quyết bầu đại diện góp vốn vào Hội đồng Trường và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi thành viên góp vốn có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp đang sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào Hội đồng Trường hoặc Ban Kiểm soát và thành viên góp vốn có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

8. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, thành viên góp vốn, thành viên Hội đồng Trường, Ban Kiểm soát có quyền kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét hủy bỏ Quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư theo một trong các trường hợp: Hội nghị Nhà đầu tư được tổ chức họp không bảo đảm các quy định tại Điều này hoặc nội dung quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư vi phạm pháp luật; vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

9. Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp Hội nghị Nhà đầu tư được tính trong kinh phí hoạt động của Nhà trường.

Điều 18. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội nghị Nhà đầu tư hoặc Hội đồng Trường chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Trường với các đối tượng sau đây phải được Hội nghị Nhà đầu tư hoặc Hội đồng Trường chấp thuận:

- a) Nhà đầu tư, người đại diện ủy quyền của Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Trường và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, Hiệu phó.

2. Hội đồng Trường chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản của Trường ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng Trường;

niêm yết tại trụ sở chính của Trường dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Trường quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hội nghị Nhà đầu tư chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng Trường trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Hội nghị Nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần của Trường còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Trường, Nhà đầu tư, thành viên Hội đồng Trường hoặc Hiệu trưởng, hiệu phó có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Trường các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 19. Thủ tục thành lập hội đồng trường, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, công nhận hiệu trưởng của Trường

1. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường của Trường như sau:

a) Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường: Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu xác định số lượng, cơ cấu hội đồng trường; cử hoặc bầu theo tỷ lệ vốn góp đối với: đại diện nhà đầu tư; thành viên ngoài trường đại học là nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động; thành viên trong trường đại học là đại diện giảng viên, người lao động trên cơ sở nhân sự được hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của Trường do Hiệu trưởng tổ chức giới thiệu, đại diện người học (nếu có) do tổ chức của người học giới thiệu. Người có tỷ lệ vốn góp cao nhất trong số các thành viên tham gia hội đồng trường chủ trì việc bầu chủ tịch hội đồng trường, đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường;

b) Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp: Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho hội đồng trường đương nhiệm tổ chức thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trường theo quy định tại điểm a khoản này, đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường cho nhiệm kỳ kế tiếp;

c) Trường hợp chủ tịch hội đồng trường bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều này thì phó chủ tịch (nếu có), hoặc thư ký hội đồng trường (nếu không có phó chủ tịch) tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới theo quy định tại điểm b khoản này và điểm b khoản 3 Điều này đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ra quyết định công nhận;

d) Trường hợp có thành viên của hội đồng trường bị khuyết thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của thành viên bị khuyết để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế theo quy định tại điểm b khoản này và gửi hồ sơ đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu công nhận bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường;

đ) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường bao gồm: Tờ trình đề nghị công nhận, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng trường; danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu bầu chủ tịch và các thành viên bầu của hội đồng trường;

e) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

g) Chế độ, điều kiện làm việc của hội đồng trường và các chức danh trong hội đồng trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường như sau:

a) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Hội đồng trường xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm; các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ra quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hội nghị nhà đầu tư được quy định trong Điều này là hội nghị của tất cả các nhà đầu tư được quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định sau:

a) Điều kiện, hình thức quyết định, tổ chức và hoạt động của hội nghị nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

b) Trước khi quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học có quy định cụ thể về hội nghị nhà đầu tư thì chủ tịch hội đồng quản trị (nếu có) hoặc đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn (nếu không có hội đồng quản trị) triệu tập và chủ trì hội nghị nhà đầu tư. Hội nghị lần thứ nhất được coi là hợp pháp khi có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp tham dự; nếu lần triệu tập thứ nhất chưa đủ tỷ lệ này thì từ lần triệu tập thứ hai (về cùng nội dung hội nghị) phải có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số vốn góp tham dự hội nghị.

Việc triệu tập hội nghị phải có nội dung rõ ràng, kèm theo dự thảo chương trình và các tài liệu liên quan; phải được gửi cho tất cả các thành viên góp vốn trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày tổ chức hội nghị, bằng hình thức thư bảo đảm hoặc thư phát chuyển nhanh hoặc hình thức khác có thể xác định được việc gửi và nhận thông tin.

Nội dung hội nghị phải được ghi trong biên bản và được thông qua ngay tại hội nghị, có chữ ký của người chủ trì và thư ký hội nghị để lưu trữ. Nghị quyết của hội nghị phải được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự hội nghị thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín, phải được gửi đến tất cả thành viên góp vốn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

4. Thủ tục quyết định nhân sự Hiệu trưởng và công nhận Hiệu trưởng của Trường thuộc thẩm quyền của Hội nghị Nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu, thực hiện theo thủ tục được quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Điều 20. Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Trường

1. Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, đại diện cho Nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan. Nhiệm kỳ của Hội đồng Trường là 05 năm.

2. Hội đồng Trường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hàng năm của trường; chủ trương phát triển trường (đại học) thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác;

b) Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở của trường phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động;

d) Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Quyết định và trình Hội nghị Nhà đầu tư ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm trưởng các đơn vị thuộc Trường, tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng trường; lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng trường vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật, Quy chế này và theo các quy định do Hội đồng Trường ban hành;

e) Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường;

g) Quyết định chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác theo Quy chế này;

h) Giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của trường; báo cáo hàng năm trước hội nghị toàn thể của trường đại học về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng Trường;

i) Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Trường; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Trường;

k) Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

3. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường, của Hiệu trưởng hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Hội đồng trường. Cuộc họp Hội đồng trường

là hợp lệ khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp, trong đó có thành viên ngoài Trường.

4. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số, quyết định của Hội đồng trường được thể hiện bằng hình thức nghị quyết. Hội đồng trường ban hành quy chế làm việc của Hội đồng trường để cụ thể hóa nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về phối hợp công tác giữa Đảng ủy - Hội đồng trường - Hiệu trưởng và các quy định khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 21. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng trường

1. Số lượng thành viên Hội đồng Trường phải là số lẻ (tối thiểu 7 người), bao gồm các thành viên trong và ngoài Trường.

2. Cơ cấu, tổ chức và bầu/cử thành viên Hội đồng Trường:

a) Thành phần của Hội đồng trường gồm: đại diện Nhà đầu tư, thành viên trong và ngoài trường đại học do Hội nghị Nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp.

Thành viên Hội đồng Trường đại diện cho Nhà đầu tư phổ thông (sở hữu cổ phần phổ thông): là người được Nhà đầu tư cử/bầu để thay mặt Nhà đầu tư tham gia Hội đồng Trường (Nhà đầu tư có cổ phần từ 1% trở lên so với tổng số cổ phần của trường tại thời điểm bầu/cử). Việc bầu được thực hiện theo nguyên tắc chọn số người có phiếu bầu (thể hiện bằng tỷ lệ số cổ phần của những người tham gia bầu cử) cao nhất đến người có số phiếu bầu tiếp theo, cho đến khi đủ số lượng cần bầu, những người trúng cử phải đạt trên 50% tỷ lệ số cổ phần của những người tham gia bầu cử. Hình thức bầu cử theo phương thức dồn phiếu.

b) Thành viên Hội đồng trường bao gồm thành viên đương nhiên và thành viên bầu bởi hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học. Thành viên đương nhiên bao gồm Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường và 01 đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là người học của Trường.

c) Thành viên bầu trong Trường bao gồm đại diện giảng viên và người lao động của trường đại học do đội ngũ giảng viên và người lao động bầu theo hình thức bỏ phiếu kín và người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt trên 50% số người có quyền bầu cử có mặt tham gia bầu cử.

d) Thành viên ngoài trường đại học do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học bầu bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động. Trường hợp khác, thành viên ngoài trường do Hội nghị Nhà đầu tư

mời tham gia Hội đồng Trường và được Hội nghị bầu theo nguyên tắc quá bán và lấy đủ số người dự kiến.

Việc bầu được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt trên 50% số người có quyền bầu cử có mặt tham gia bầu cử.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng Trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường và Thành viên Hội đồng trường

1. Chủ tịch Hội đồng trường

a) Chủ tịch Hội đồng Trường là người đứng đầu Hội đồng Trường và được bầu trong số các thành viên của Hội đồng Trường theo nguyên tắc đa số, bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số Thành viên theo danh sách của Hội đồng Trường đồng ý. Chủ tịch Hội đồng Trường phải có trình độ đại học trở lên (trong trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng Trường quyết định) tại thời điểm bầu cử, có đủ sức khỏe, điều kiện và năng lực thực hiện các quyền và nhiệm vụ ghi trong Quy chế này. Trường hợp thành viên ngoài trường đại học trúng cử Chủ tịch Hội đồng trường thì phải trở thành cán bộ cơ hữu của trường; Chủ tịch Hội đồng trường có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong trường;

b) Chủ tịch Hội đồng trường là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh Chủ tịch Hội đồng trường theo Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường, phù hợp với các quy định của Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chủ tịch Hội đồng Trường có thể là cán bộ cơ hữu hoặc cán bộ kiêm nhiệm của Trường, do Hội đồng Trường bầu và được Hội nghị Nhà đầu tư công nhận.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trường:

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trường: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Trường; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng Trường; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Trường; tổ chức việc thông qua và là người chịu trách nhiệm chính về các nghị quyết của Hội đồng Trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Trường; chủ trì cuộc họp Hội đồng Trường;

- Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm: ;

- Triệu tập, chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Trường;

- Thay mặt Hội đồng trường ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Trường:

+ Sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường đại học để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Trường: Ký trình Hội nghị Nhà đầu tư ra quyết định công nhận Hiệu trưởng; ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Hiệu trưởng và các chức danh quản lý chủ chốt của Trường.

+ Chủ tịch Hội đồng Trường được quyền sử dụng bộ máy tổ chức nhân sự và con dấu của Trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Trường và ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Trường.

+ Thay mặt Hội đồng trường ban hành quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, cho nghỉ hưu, thôi việc, chuyển chuyên, điều động công tác và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật;

+ Trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở các tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ khoa học kỹ thuật khác mà Trường có góp vốn, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

+ Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Trường vắng mặt trong khoảng thời gian theo quy định của Quy chế này thì ủy quyền cho một trong các Phó Chủ tịch Hội đồng trường hoặc Thành viên còn lại của Hội đồng Trường đảm nhận trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Trường trong thời gian đi vắng. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, thông báo công khai và phải được gửi đến Hội nghị Nhà đầu tư. Thời gian ủy quyền một lần không quá 06 tháng.

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trường về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Trường

a) Phó Chủ tịch Hội đồng trường do Hội đồng trường bầu ra trong số các thành viên Hội đồng trường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường. Phó Chủ tịch thường trực, Phó Chủ tịch Hội đồng Trường là Thành viên Hội đồng Trường, giúp Chủ tịch Hội đồng Trường trong việc quản lý, điều hành các mặt công tác của Hội đồng Trường.

b) Phó Chủ tịch phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có uy tín và kinh nghiệm và năng lực quản lý giáo dục đại học; đáp ứng điều kiện chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng trường theo khung năng lực vị trí việc làm của Trường.

c) Phó Chủ tịch Hội đồng trường có nhiệm vụ trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác phù hợp với năng lực và kinh nghiệm thực tiễn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Trường, được thay mặt Chủ tịch Hội đồng Trường giải quyết và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Trường, Hội đồng Trường và pháp luật đối với công việc đã giải quyết; có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Trường, Hội đồng Trường về tình hình thực hiện công việc

được giao. Phó Chủ tịch Hội đồng Trường có thể thực hiện kiêm nhiệm công việc.

d) Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch Hội đồng Trường theo nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng Trường. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường không thể làm việc trong khoảng thời gian 90 ngày trở lên thì Phó Chủ tịch Hội đồng trường đảm nhiệm thay trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng trường trong khoảng thời gian đó. Việc ủy quyền hoặc đảm nhiệm thay nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng trường theo quy định của Điều này phải báo cáo với Nhà đầu tư bằng văn bản, được thông báo cho Hiệu trưởng và công khai trong Trường.

3. Thư ký Hội đồng trường

a) Thư ký Hội đồng trường do Hội đồng trường bầu, là cán bộ cơ hữu của Trường, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường. Thư ký Hội đồng trường hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; trường hợp hoạt động chuyên trách thì hưởng phụ cấp chức vụ theo quy định.

b) Thư ký Hội đồng trường là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh Thư ký Hội đồng trường theo khung năng lực vị trí việc làm, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Thư ký Hội đồng trường giúp Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường, gồm các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổng hợp thông tin về hoạt động của Trường báo cáo Chủ tịch Hội đồng trường; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng trường; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng trường;

- Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng trường;

- Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng trường giao hoặc theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường.

4. Thành viên Hội đồng trường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về hoạt động của Hội đồng trường; thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ của Hội đồng trường do Chủ tịch Hội đồng trường phân công và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng trường, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

b) Thảo luận, đóng góp ý kiến trong cuộc họp của Hội đồng trường; biểu quyết về nội dung các quyết nghị của Hội đồng trường theo thể thức phù hợp với quy định;

c) Theo dõi, giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường và có quyền đề xuất những ý kiến về hoạt động của Trường và các đơn vị thuộc Trường;

d) Các thành viên Hội đồng trường có quyền được cung cấp và tiếp cận thông tin, tài liệu liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo các quy định pháp luật và của Trường. Thành viên Hội đồng trường gửi yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đến Thư ký Hội đồng trường. Thư ký Hội đồng trường có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng trường và triển khai yêu cầu Hiệu trưởng, các đơn vị thuộc Trường và đơn vị trực thuộc Trường cung cấp thông tin theo đề nghị của thành viên Hội đồng trường;

đ) Được hưởng các chế độ, chính sách đối với thành viên Hội đồng trường theo quy định của pháp luật và của Trường;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

5. Danh sách Chủ tịch Hội đồng trường và thành viên Hội đồng trường được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 23. Việc bổ sung, thay thế, chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng trường; việc thành lập Hội đồng trường khi hết nhiệm kỳ

1. Việc bổ sung, thay thế, chấm dứt tư cách Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác của Hội đồng trường được thực hiện như sau:

a) Các trường hợp đương nhiên không còn tư cách thành viên Hội đồng trường:

- Bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Bị tuyên bố là có tội bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền;

- Thành viên là được bầu đại diện cán bộ, người lao động của Trường nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển chuyên công tác khỏi Trường;

- Thành viên đương nhiên không còn có tư cách thành viên đương nhiên tham gia Hội đồng trường theo quy định.

b) Các trường hợp xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng trường:

- Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng trường;

- Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

- Thành viên Hội đồng trường không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng trường; có vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, của Trường hoặc không hoàn thành nhiệm vụ thành viên Hội đồng trường

và có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm;

- Có văn bản của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về việc không tiếp tục cử tham gia Hội đồng trường;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

c) Khi có các căn cứ được quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, ra Nghị quyết và báo cáo Hội nghị Nhà đầu tư xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng trường và cho chủ trương thay thế, bổ sung các thành viên Hội đồng trường theo đúng thành phần quy định.

Sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Hội nghị Nhà đầu tư, căn cứ thành phần bị khuyết thiếu, Hội đồng trường thực hiện việc đề nghị các cơ quan, tổ chức cử thành viên tham gia Hội đồng trường; tổ chức Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu cán bộ, người lao động của Trường để bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường bảo đảm phù hợp với Đề án thành lập Hội đồng trường đã được phê duyệt; đề nghị Hội nghị Nhà đầu tư công nhận theo quy định.

Trong trường hợp có đề xuất hợp pháp về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm tư cách thành viên của Chủ tịch Hội đồng trường thì Phó chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường hoặc một thành viên Hội đồng trường được trên 50% thành viên Hội đồng trường đề nghị (nếu đã có đề xuất hợp pháp quá 30 ngày mà Phó chủ tịch hoặc thư ký Hội đồng trường không thực hiện) chủ trì cuộc họp giải quyết; cuộc họp phải bảo đảm về tỷ lệ và thành phần tham gia, tỷ lệ biểu quyết theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế làm việc của Hội đồng trường.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng trường:

- Đương nhiên không còn tư cách Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng trường đối với các trường hợp đương nhiên hoặc thuộc trường hợp được miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

- Các trường hợp xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng trường:

+ Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi giữ các chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường;

+ Không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

+ Không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng trường theo quy định; có vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, của Trường hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của chức danh

Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng trường và có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm;
+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

đ) Thủ tục cụ thể về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường và các thành viên khác của Hội đồng trường do Hội đồng trường quy định phù hợp với các quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Việc thành lập Hội đồng trường khi hết nhiệm kỳ thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật có liên quan các bước cụ thể như sau:

Chậm nhất 120 ngày trước khi Hội đồng trường hết nhiệm kỳ, Tập thể lãnh đạo Trường gồm có Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Ban Thường vụ Đảng uỷ Trường có trách nhiệm thống nhất với các thành viên đương nhiệm khác của Hội đồng trường đương nhiệm (gồm đại diện Đoàn thanh niên, Chủ tịch Công đoàn Trường) để xây dựng và báo cáo, xin ý kiến thống nhất của Hội nghị Nhà đầu tư về Đề án thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ tiếp theo và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Việc xây dựng và thực hiện Đề án phải đảm bảo đúng quy định của Đảng, pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường; đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và sự tham gia của tập thể cán bộ, người lao động của Trường.

Trước khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng trường ít nhất 30 ngày, Tập thể lãnh đạo Trường trình Hội nghị Nhà đầu tư công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ mới.

Điều 24. Thường trực Hội đồng trường, Ban kiểm soát và Bộ máy giúp việc của Hội đồng trường

1. Thường trực Hội đồng trường do Hội đồng trường thành lập gồm có Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn trường.

Thường trực Hội đồng trường có nhiệm vụ giúp Hội đồng trường chuẩn bị, tổ chức các phiên họp của Hội đồng trường; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường; duy trì mối quan hệ giữa Hội đồng trường với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong và ngoài Trường, thực hiện các nhiệm vụ khác được Hội đồng trường giao.

2. Hội đồng trường thành lập Ban kiểm soát và các ban chuyên môn khác của Hội đồng trường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường để tham mưu, tư vấn cho Hội đồng trường về việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng trường; thẩm định các đề án, tờ trình, văn bản trình trước Hội đồng trường; giúp Hội đồng trường giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường

theo phân công của Hội đồng trường; thực hiện các hoạt động khác được Hội đồng trường giao.

3. Ban Kiểm soát của Trường gồm những người đại diện cho các thành viên góp vốn đáp ứng quy định tại Quy chế này. Ban Kiểm soát có số lượng từ 03 đến 05 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát do Hội nghị Nhà đầu tư của Trường bầu trực tiếp theo quy định. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội nghị Nhà đầu tư về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình.

a) Thành viên của Ban Kiểm soát là người có quốc tịch Việt Nam; không là Thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng tài chính) và không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, anh chị em ruột của Thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng tài chính) của Trường.

b) Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng Trường.

c) Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và các đơn vị trong toàn Trường;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ sách và tài liệu kế toán;

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Trường;

- Hàng năm hoặc theo yêu cầu phải thông báo với Hội đồng Trường về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi chính thức thông qua Hội nghị Nhà đầu tư;

- Báo cáo kết quả giám sát các hoạt động của Nhà trường tại các kỳ họp Hội nghị Nhà đầu tư; kiến nghị Hội đồng Trường hoặc Hội nghị Nhà đầu tư các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Nhà trường;

- Được quyền kiến nghị về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trường với Hội nghị Nhà đầu tư, các cơ quan quản lý có thẩm quyền khác; được quyền yêu cầu Hội đồng Trường hoặc Thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và các cán bộ quản lý khác của Trường cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao;

- Được nhận các tài liệu cuộc họp Hội đồng Trường, các báo cáo của Hiệu trưởng trình Hội đồng Trường hoặc các tài liệu khác do Trường phát hành cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng Trường;

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Nhà trường, có quyền đến các địa điểm làm việc của người lao động thuộc quản lý của Nhà trường để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn kiểm soát theo kế hoạch;

- Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy chế này;

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mọi hoạt động của Ban Kiểm soát không được gây cản trở, làm gián đoạn đến các hoạt động của Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và của Nhà trường;

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

d) Điều kiện làm việc, phụ cấp và các lợi ích khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng phụ cấp và các lợi ích khác (công tác phí,...) như thành viên Hội đồng Trường và theo quy định chung của Trường;

- Ban Kiểm soát có phòng làm việc và các thiết bị đáp ứng yêu cầu làm việc;

- Phụ cấp và các chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí chung của Nhà trường.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát Hội đồng trường:

- Hội đồng Trường có quyền triệu tập Hội nghị Nhà đầu tư để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

+ Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi giữ các chức danh thành viên Ban kiểm soát Hội đồng trường;

+ Không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

+ Không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh Ban kiểm soát Hội đồng trường theo quy định; có vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, của Trường hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của chức danh thành viên Ban Kiểm soát Hội đồng trường và có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kinh phí hoạt động của Hội đồng trường

Kinh phí hoạt động của Hội đồng trường, Thường trực Hội đồng trường, cơ quan kiểm soát và bộ máy giúp việc của Hội đồng trường được đảm bảo từ nguồn thu của Trường phù hợp với các quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 26. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

a) Nhiệm kỳ hoặc thời gian bổ nhiệm của Hiệu trưởng do Hội đồng Trường quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng Trường. Hiệu trưởng có thể được bổ nhiệm lại nhưng thời gian tối đa giữ chức vụ Hiệu trưởng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

b) Hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định bổ nhiệm và được Hội nghị Nhà đầu tư công nhận, chức danh Hiệu trưởng của Trường đảm bảo tiêu chuẩn theo Điều 20 của Luật Giáo dục đại học. Người được tuyển dụng từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Hiệu trưởng thì sau khi bổ nhiệm, Hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của Nhà trường.

2. Tiêu chuẩn Hiệu trưởng được quy định như sau:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ tiến sĩ, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Hiệu trưởng theo khung năng lực vị trí các việc làm của Trường;

c) Có sức khỏe tốt để thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng Trường xem xét quyết định) tại thời điểm bầu cử;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Trường;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quyết định của Hội đồng trường, cụ thể như sau:

- Tổ chức quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hành chính tổng hợp, đối ngoại và các hoạt động khác của Trường.

- Hàng năm tổ chức đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động trong Nhà trường;

- Tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính và tài sản của Trường theo các quy định của pháp luật; Lập dự toán và quyết toán tài chính hàng năm, trình Hội đồng Trường phê duyệt. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của Trường. Định kỳ báo cáo Hội đồng Trường và các cấp quản lý liên quan về công tác tài chính và hoạt động của Nhà trường;

- Xem xét các ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo tư vấn. Trường hợp không đồng ý với nội dung tư vấn, Hiệu trưởng được quyết định, chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình và báo cáo Hội đồng Trường trong cuộc họp gần nhất;

- Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng Trường; trao đổi với Chủ tịch Hội đồng Trường và thống nhất cách giải quyết theo quy định của pháp luật nếu phát hiện nghị quyết vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động chung của Nhà trường. Trường hợp không thống nhất được cách giải quyết thì Hiệu trưởng thực hiện nghị quyết của Hội đồng Trường nhưng phải báo cáo với Hội nghị Nhà đầu tư trong cuộc họp gần nhất.

c) Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của hội đồng trường sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường; ban hành quy định khác của Trường theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

d) Đề xuất Hội đồng trường xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thôi việc, chuyển chuyển, điều động công tác, ký hợp đồng lao động đối với các chức danh khác của Trường theo yêu cầu của Hội đồng trường, theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (trừ những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng trường);

đ) Hằng năm, báo cáo trước Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, về công tác tài chính, tài sản của Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trường và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Thủ tục quyết định nhân sự Hiệu trưởng do Hội đồng trường chủ trì tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

a) Hội đồng trường rà soát, xác định nhu cầu, báo cáo xin chủ trương của Hội nghị Nhà đầu tư về nhu cầu, nguồn kiến toàn chức danh Hiệu trưởng và Đề án kiến toàn chức danh Hiệu trưởng.

Sau khi Đề án được Hội nghị Nhà đầu tư thống nhất, Hội đồng trường triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy định. Hội đồng Trường bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số Thành viên của Hội đồng Trường đồng ý và đề nghị Hội nghị Nhà đầu tư ra quyết định công nhận chức danh Hiệu trưởng theo quy định.

b) Việc không công nhận Hiệu trưởng được thực hiện đối với một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị bằng văn bản của Hiệu trưởng xin thôi chức vụ;
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Sức khỏe không đủ khả năng đảm nhiệm công việc được giao, phải nghỉ làm việc để điều trị quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm các quy định khác tại Quy chế này.
- Sử dụng văn bằng giả hoặc văn bằng không được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

- Có trên 3/4 tổng số Thành viên của Hội đồng Trường kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm.

Điều 27. Phó Hiệu trưởng

1. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực công tác và phụ trách một số đơn vị theo sự phân công của Hiệu trưởng; được thay mặt Hiệu trưởng giải quyết các công việc, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

2. Phó Hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hội đồng Trường và có thể được bổ nhiệm lại. Người được tuyển dụng từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Phó Hiệu trưởng thì sau khi bổ nhiệm, Phó Hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của Nhà trường.

Số lượng Phó Hiệu trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tiêu chuẩn của Phó Hiệu trưởng:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có năng lực quản lý và có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học;

b) Có trình độ tiến sĩ. Trường hợp đặc biệt, có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ, nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ;

c) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với chức danh Phó Hiệu trưởng theo khung năng lực các vị trí việc làm của Trường;

d) Có sức khỏe tốt;

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm chủ trì thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng theo quy định để trình Hội đồng trường xem xét, quyết định theo các quy trình, thủ tục sau đây:

a) Hiệu trưởng rà soát, xác định nhu cầu, báo cáo xin chủ trương của Hội đồng trường về nhu cầu, nguồn kiến toàn chức danh Phó Hiệu trưởng và Đề án kiến toàn chức danh Phó Hiệu trưởng.

b) Sau khi Đề án được Hội đồng trường thống nhất, Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy định. Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường, Hội đồng Trường xem xét ra quyết định bổ nhiệm và công nhận chức danh Phó Hiệu trưởng theo thẩm quyền.

Điều 28. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 19 của Luật Giáo dục đại học năm 2012, Điều 2 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 2018. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng Trường.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ tư vấn về việc xây dựng:

a) Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm;

b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường;

c) Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

d) Đề xuất danh sách Thành viên Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở; bổ nhiệm các chức danh Giáo sư, Phó giáo sư trong Trường; trao tặng danh hiệu Giáo sư danh dự, Tiến sĩ danh dự của Nhà trường cho các cá nhân;

đ) Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng Nhà trường; Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra;

e) Phát triển các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên; Đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san khoa học công nghệ (nếu có), đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong toàn Trường.

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo gồm: Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; trưởng các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học; các nhà khoa học có uy tín đại diện cho các lĩnh vực, ngành chuyên môn.

4. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo do Hội đồng Khoa học và Đào tạo bầu trong các Thành viên của Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số Thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý; Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ định Thư ký Hội đồng trong số các Thành viên của hội đồng.

5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất một lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số Thành viên theo danh sách của Hội đồng Khoa học và Đào tạo biểu quyết đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

6. Hội đồng Khoa học và Đào tạo hoạt động theo Quy chế này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 29. Hội đồng tư vấn

1. Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của

Trường. Hội đồng tư vấn làm theo chế độ vụ việc và được hưởng chế độ theo quy định của Trường.

2. Hội đồng tư vấn gồm các thành viên trong Trường, thành viên ngoài trường đang hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến các hoạt động của Nhà trường.

3. Việc thành lập, hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng đề xuất, Hội đồng Trường quyết định.

Điều 30. Khoa chuyên môn

1. Khoa chuyên môn (sau đây gọi chung là Khoa) là đơn vị quản lý chuyên môn thuộc trường, không có tư cách pháp nhân, do Hội đồng Trường quyết định việc thành lập; tổ chức và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Khoa như sau:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc Khoa theo phân công, phân cấp của Hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học thuộc đơn vị liên quan, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Nhà trường; Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Trường và phù hợp với quy chung của Bộ Giáo dục và đào tạo;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của đơn vị theo quy định của Trường hoặc phân công của Hiệu trưởng;

d) Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và người lao động; kế hoạch phát triển ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và trình Hiệu Trưởng xem xét, quyết định;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học;

e) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên trong đơn vị và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường theo quy định.

g) Tổ chức thực hiện quy chế và duy trì kỷ luật lao động trong đơn vị;

h) Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao theo quy định của pháp luật và của Trường;

i) Phối hợp với các đơn vị thuộc Trường triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác theo quy định của Trường và phân công của Hiệu trưởng;

k) Thực hiện những việc khác do Hiệu trưởng giao.

3. Cơ cấu của Khoa gồm: Trưởng khoa, các Phó Trưởng khoa, Hội đồng khoa, các bộ môn trực thuộc khoa.

4. Lãnh đạo khoa gồm có Trưởng khoa và các Phó trưởng khoa:

a) Trưởng khoa là người lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của khoa; chỉ đạo, quản lý hoạt động của các bộ môn thuộc khoa, chịu trách nhiệm báo cáo công tác, chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về hoạt động của khoa.

Trưởng khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại khoa. Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành hoặc chuyên ngành để cấp một trong các văn bản tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có tiến sĩ hoặc có tiến sĩ nhưng không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ vào vị trí trưởng khoa. Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của khoa.

b) Phó Trưởng khoa là người giúp trưởng khoa lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của khoa theo sự phân công của Trưởng khoa, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng khoa, trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được phân công.

Mỗi khoa có không quá 02 Phó Trưởng khoa. Phó Trưởng khoa có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Phó Trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học phải có trình độ tiến sĩ.

5. Hội đồng khoa

a) Hội đồng khoa là tổ chức được thành lập ở các khoa (không thành lập ở các bộ môn thuộc Trường) để tư vấn cho trưởng khoa thực hiện các nhiệm vụ của khoa, tư vấn cho trưởng khoa trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của khoa. Hội đồng khoa có nhiệm kỳ 05 năm.

b) Hội đồng khoa có số lượng từ 07 đến 15 thành viên. Thành phần của hội đồng khoa gồm có:

- Thành viên đương nhiên gồm: trưởng khoa, các phó trưởng khoa, các trưởng bộ môn hoặc người phụ trách bộ môn.

- Thành viên bầu gồm: một số giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ.

- Thành viên mời gồm: một số thành viên bên ngoài khoa, ngoài trường. có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của khoa (nếu cần thiết).

Số lượng thành viên hội đồng khoa do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa và được quy định cụ thể như sau: Khoa có dưới 30 thành viên: có từ 7 đến 11 thành viên hội đồng khoa; Khoa có từ 30 thành viên trở lên: có từ 11 đến 15 thành viên hội đồng khoa. Trường hợp đặc biệt, số lượng thành viên Hội đồng Khoa, do Hiệu trưởng quyết định.

c) Trình tự, thủ tục thành lập hội đồng khoa được thực hiện như sau: Trưởng khoa phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng đề án thành lập hội đồng khoa hoặc đề án kiện toàn hội đồng khoa trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Trên cơ sở đề án đã được Hiệu trưởng phê duyệt, trưởng khoa chỉ đạo tổ chức lập danh sách các thành viên thuộc thành phần đương nhiên; xác định danh sách thành phần mời tham gia hội đồng khoa và tổ chức bầu các thành viên thuộc thành phần bầu của hội đồng khoa và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định bổ nhiệm. Thành viên thuộc thành phần bầu phải được trên 50% tổng số thành viên của khoa tín nhiệm.

Chủ tịch hội đồng khoa do hội đồng khoa bầu trong số các thành viên hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa đồng ý và được Hiệu trưởng bổ nhiệm.

d) Trình tự, thủ tục thay thế thành viên hội đồng khoa

Các thành viên hội đồng khoa không còn tư cách thành viên trong những trường hợp cụ thể sau đây:

- Thành viên đương nhiên không còn giữ các chức vụ quy định của thành viên đương nhiên của hội đồng khoa;

- Thành viên được bầu hoặc thành viên mời có đề nghị bằng văn bản xin thôi tham gia hội đồng khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt; Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc đang chấp hành bản án của tòa án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc các trường hợp khác do trưởng khoa đề nghị và được Hiệu trưởng phê duyệt. Thành viên được bầu nghỉ hưu, chuyển công tác khác không còn phù hợp với vị trí làm thành viên của hội đồng khoa.

Trường hợp thay thế thành viên đương nhiên thì người được bổ nhiệm giữ các chức vụ là thành viên đương nhiên của hội đồng khoa có tư cách thành viên hội đồng khoa kể từ thời điểm giữ chức vụ. Trường hợp thay thế các thành viên được bầu hoặc thành viên mời, thì trưởng khoa báo cáo Hiệu trưởng cho ý kiến chỉ đạo về việc mời người khác hoặc bầu người khác tham gia hội đồng khoa.

đ) Hội đồng khoa họp ít nhất một lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng khoa triệu tập; họp bất thường theo đề nghị của Trưởng khoa. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa biểu quyết đồng ý.

Trưởng khoa xem xét các ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho Hội đồng khoa tư vấn. Trường hợp không đồng ý với nội dung tư vấn, Trưởng khoa được quyết định, chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định và báo cáo với Hiệu trưởng về quyết định của mình.

6. Hội đồng tư vấn ngành thuộc khoa hoặc bộ môn thuộc Trường có thể được Hiệu trưởng quyết định thành lập theo đề nghị của trưởng khoa, trưởng bộ môn thuộc Trường để tư vấn cho trường đơn vị trong trường hợp cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng tư vấn ngành có thể có các thành viên ngoài khoa hoặc ngoài trường, không phải là giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của Trường (nếu thấy cần thiết), làm theo vụ việc và không hưởng lương.

Điều 31. Bộ môn thuộc khoa, Tổ bộ môn thuộc Bộ môn thuộc Trường (sau đây gọi chung là Bộ môn thuộc Khoa)

1. Bộ môn, Tổ bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc ngành trong khoa, quy định về tổ chức và hoạt động của Bộ môn do Hiệu trưởng quy định phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

2. Cơ cấu bộ môn gồm: Trưởng bộ môn, các Phó trưởng bộ môn, các tổ bộ môn trực thuộc bộ môn.

3. Lãnh đạo bộ môn thuộc Trường gồm có Trưởng bộ môn và Phó trưởng bộ môn.

a) Trưởng bộ môn thuộc Trường là người lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của bộ môn, có trách nhiệm báo cáo công tác, chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về hoạt động của bộ môn. Trưởng bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy phù hợp chuyên ngành bộ môn đảm nhiệm, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ tiến sĩ. Đối với bộ môn chỉ giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương, nếu không có tiến sĩ hoặc có tiến sĩ nhưng không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ làm trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của trưởng bộ môn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

b) Mỗi bộ môn thuộc Trường có không quá 02 Phó trưởng bộ môn. Phó trưởng bộ môn giúp Trưởng bộ môn lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của bộ môn theo sự phân công của Trưởng bộ môn, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước trưởng bộ môn, trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về

những lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được phân công. Phó trưởng bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ thạc sĩ trở lên. Nhiệm kỳ của phó trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Trường hợp người được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn thì sau khi bổ nhiệm phải là giảng viên cơ hữu của Trường.

5. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của chức danh Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn thuộc Trường được quy định trong Khung năng lực các vị trí việc làm của Trường đối với từng chức danh cụ thể, phù hợp với các quy định Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn thuộc Trường thực hiện theo quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ quản lý của Trường do Hội đồng trường ban hành.

6. Bộ môn, Tổ bộ môn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của khoa, ngành, viện do Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên quản lý;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu, sách tham khảo phù hợp với nội dung môn học được Trưởng khoa, Hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của Nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Trường và của Khoa, của Bộ môn;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực chuyên môn;

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cán bộ giảng viên, của Bộ môn, của Khoa và của Trường theo yêu cầu của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng, Trưởng khoa.

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được Hiệu trưởng và Trưởng khoa giao.

7. Việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách bộ môn do Hội đồng trường quyết định theo đề nghị của Hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Trưởng khoa.

Điều 32. Viện nghiên cứu, quản lý khoa học và công nghệ

1. Viện nghiên cứu, quản lý khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Viện nghiên cứu) được thành lập để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong

các lĩnh vực chuyên môn của Trường, đảm nhiệm các nhiệm vụ đào tạo và nhiệm vụ khác theo phân công của Trường.

2. Lãnh đạo viện nghiên cứu gồm Viện trưởng và không quá 02 Phó Viện trưởng.

a) Viện trưởng là lãnh đạo đơn vị, quản lý, điều hành các công việc của đơn vị, chịu trách nhiệm báo cáo công tác, chịu sự quản lý và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về hoạt động của đơn vị.

Viện trưởng phải có trình độ tiến sĩ, có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

b) Viện nghiên cứu có không quá 02 Phó viện trưởng. Phó viện trưởng giúp Viện trưởng quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị theo sự phân công của Viện trưởng, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của chức danh Viện trưởng, Phó Viện trưởng, trưởng, phó các đơn vị thuộc Viện nghiên cứu được quy định trong Khung năng lực vị trí việc làm của Trường đối với từng chức danh cụ thể, phù hợp với các quy định Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái Viện trưởng, Phó Viện trưởng, trưởng, phó các đơn vị thuộc Viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ quản lý của Trường do Hội đồng trường ban hành.

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường do Hội đồng trường ban hành.

Điều 33. Các phòng chức năng và tương đương (sau đây gọi là Phòng)

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng:

a) Nhiệm vụ quyền hạn chung:

- Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng phương hướng, chương trình, kế hoạch công tác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng;

- Chuẩn bị dự thảo các quyết định, công văn, báo cáo và văn bản khác về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của phòng trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định hoặc ban hành; chuẩn bị các nội dung, tài liệu và phương tiện để Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm việc với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan;

- Chấp hành các quyết định của Hiệu trưởng; triển khai thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công việc có tính nghiệp vụ của phòng đối với các đơn vị trong Trường; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị khác thuộc Trường thực hiện các nhiệm vụ, công việc thuộc chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng theo phân công của Hiệu trưởng;

- Quản lý cán bộ, người lao động thuộc phòng theo phân công, phân cấp; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ và duy trì kỷ luật lao động trong Phòng; Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao theo quy định; Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác được Hiệu trưởng giao.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng phòng được quy định trong các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường do Hội đồng trường hoặc Hiệu trưởng ban hành.

2. Trưởng phòng là người lãnh đạo phòng, tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Phòng, chịu trách nhiệm báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ của Phòng.

a) Trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên; riêng trưởng các phòng: Phòng Đào tạo đại học và sau đại học phải có trình độ tiến sĩ và có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 5 năm.

b) Phó trưởng phòng giúp trưởng phòng lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo sự phân công của trưởng phòng, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước trưởng phòng, trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

Mỗi phòng có không quá 02 phó trưởng phòng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao quy mô đào tạo và công tác quản lý của Trường. Phó trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên.

c) Nhiệm kỳ của trưởng phòng, phó trưởng phòng là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

d) Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương được quy định trong Khung năng lực vị trí việc làm của Trường đối với từng chức danh cụ thể, phù hợp với các quy định pháp luật và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ quản lý của Trường do Hội đồng trường ban hành.

Điều 34. Trung tâm

1. Trung tâm là đơn vị trực thuộc Trường, tương đương với cấp phòng.

2. Lãnh đạo Trung tâm gồm có Giám đốc và không quá 02 Phó giám đốc Trung tâm; có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm được quy định trong Khung năng lực vị trí việc làm của Trường đối với từng chức danh cụ thể, phù hợp với các quy định của pháp luật và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái Giám đốc, Phó giám đốc thực hiện theo

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ quản lý của Trường do Hội đồng trường ban hành.

3. Tổ chức và hoạt động của Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm do Hội đồng trường hoặc Hiệu trưởng ban hành.

Điều 35. Thư viện, trang thông tin điện tử, tạp chí khoa học công nghệ và phát triển

1. Thư viện, Trung tâm thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiệm vụ cung cấp các thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên, học viên của Trường; lưu trữ bản gốc các luận văn, đồ án tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại Trường, các kết quả nghiên cứu khoa học, các ấn phẩm của Trường. Thư viện, Trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng ban hành, phù hợp với pháp luật về thư viện, pháp luật về lưu trữ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trang thông tin điện tử, website của Trường có nhiệm vụ đăng tải thông tin liên quan đến các hoạt động chức năng của Nhà trường, đảm bảo các thông tin tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thông tin điện tử, website phải có Ban biên tập chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và quản trị hệ thống, có quy chế hoạt động và cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên mạng Internet và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Tạp chí, Tập san khoa học công nghệ của Trường đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học phục vụ hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước và phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Tạp chí khoa học của Nhà trường phải có Ban biên tập và Ban trị sự. Bài đăng trên Tạp chí, Tập san khoa học công nghệ phải qua phản biện. Quy trình phản biện và điều kiện đăng bài phải được thông báo công khai. Tạp chí, Tập san khoa học công nghệ có thể được xuất bản theo bản in hay bản điện tử theo quy định hiện hành chuyên ngành về báo chí, xuất bản. Trưởng Ban biên tập hoặc Tổng biên tập phải chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng khoa học của Tạp chí, Tập san khoa học công nghệ trước Hiệu trưởng và Hội đồng Trường.

Điều 36. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu, các cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế liên quan đến ngành nghề đào tạo của Trường, được tổ chức thành các đơn vị thuộc Trường, có hoặc không có tư cách

pháp nhân độc lập, dưới các hình thức pháp lý phù hợp như Viện, Trung tâm, Công ty, Dự án, Xưởng in, Nhà xuất bản... và có các nhiệm vụ sau đây:

a) Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới hình thức Viện nghiên cứu để triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Các đơn vị sự nghiệp được tổ chức dưới hình thức Trung tâm, Xưởng in, Nhà xuất bản và một số hình thức khác để triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc đào tạo ngắn hạn, cập nhật kiến thức cho các đối tượng có nhu cầu ở trong và ngoài Trường; xúc tiến và phát triển hợp tác quốc tế, kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên; in ấn và xuất bản.

c) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ được tổ chức theo hình thức Doanh nghiệp hoặc Trung tâm dịch vụ để triển khai các dịch vụ về cung cấp thông tin, tư vấn; Phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; Dịch vụ hỗ trợ sinh viên; Dịch vụ phục vụ cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

2. Việc thành lập, giải thể, cơ cấu tổ chức và hoạt động các đơn vị quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế, quy định nội bộ của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển.

3. Chủ tịch Hội đồng Trường quyết định thành lập hoặc giải thể, áp dụng cơ chế tương ứng với các đơn vị quy định tại Điều này theo Nghị quyết của Hội đồng Trường với hơn 50% Thành viên đồng ý.

Chương IV

NHÂN SỰ

Điều 37. Cơ cấu nhân sự

1. Cơ cấu nhân sự của Trường gồm: Cán bộ, giảng viên và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Các vấn đề quan trọng về cơ cấu nhân sự do Hội đồng trường quyết định trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng theo khoản 2 Điều 20 và các quy định khác của pháp luật và của Quy chế này.

Điều 38. Tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, đào tạo, sử dụng cán bộ, người lao động

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, đào tạo, sử dụng cán bộ, người lao động của Trường thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật về lao động, pháp luật giáo dục đại học và các quy định cụ thể của Trường, đảm bảo phù hợp với từng vị trí việc làm trong Trường.

Điều 39. Nguyên tắc chung trong hoạt động nghề nghiệp của cán bộ, giảng viên và người lao động làm việc theo hợp đồng

1. Tuân thủ pháp luật và các quy định cụ thể của Trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp;
2. Bảo vệ lợi ích của Trường; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, giảng viên và của người học;
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong trường học;
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, người lao động

1. Quyền của cán bộ, người lao động
 - a) Được bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b) Được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ;
 - c) Được trang bị các trang thiết bị và các điều kiện khác nhằm phục vụ hoạt động nghề nghiệp trong khả năng của Trường;
 - d) Được cung cấp các thông tin liên quan đến sự phát triển của Trường; liên quan đến nhiệm vụ được giao;
 - đ) Có quyền tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy định, quy chế và giải quyết các vấn đề có liên quan nhằm phát triển Trường; Tham gia đánh giá kết quả hoạt động của Trường và đơn vị công tác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;
 - e) Được tham gia vào các diễn đàn, các hội thảo về chuyên môn và những nội dung liên quan; tham gia các chương trình khác theo quy định;
 - g) Được đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình, được khen thưởng, tuyên dương, xét tặng các danh hiệu theo quy định;
 - h) Được hưởng các phúc lợi và các quyền, lợi ích khác theo quy định của pháp luật và của Trường;
2. Nghĩa vụ của cán bộ, người lao động
 - a) Chấp hành theo sự phân công của đơn vị, của lãnh đạo Trường;
 - b) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đảm bảo yêu cầu về thời gian và chất lượng; Phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ, công việc;
 - c) Thường xuyên học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
 - d) Giữ gìn phẩm chất đạo đức, chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
 - đ) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp;
 - e) Tham gia các hoạt động phong trào, công tác đoàn thể khi được phân công;

g) Thực hiện các nghĩa vụ theo nội dung của hợp đồng lao động đã giao kết với Trường và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 41. Giảng viên

1. Giảng viên của Trường là người có nhân thân, lý lịch rõ ràng; có phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; có trình độ đáp ứng quy định của Luật Giáo dục đại học, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, tham gia giảng dạy theo chế độ cơ hữu hoặc thỉnh giảng.

2. Chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư. Hiệu trưởng bổ nhiệm chức danh giảng viên theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng của Trường.

3. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ. Trường ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn và việc bổ nhiệm chức danh giảng viên theo thẩm quyền; tỷ lệ giảng viên cơ hữu tối thiểu của Trường; quy định tiêu chuẩn giảng viên thực hành, giảng viên của một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của giảng viên:

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ và người lao động, giảng viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của Trường; Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

b) Được hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định của pháp luật và quy định của Trường;

c) Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo;

d) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo; Giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng quyền theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ; giảng viên làm công tác quản lý nếu tham gia giảng dạy thì được hưởng các chế độ tương ứng theo quy định của pháp luật và quy định của Trường;

đ) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy theo kế hoạch và điều kiện của Nhà trường; được tham gia vào việc quản lý và quản trị Nhà trường; tham gia hoạt động thực tiễn để

nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; được tham gia các hoạt động xã hội, nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên;

h) Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;

h) Tham gia quản lý người học và đóng góp trách nhiệm với cộng đồng; tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác;

i) Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội; được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác theo quy định của Trường;

k) Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Chính sách đối với giảng viên

a) Giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng tiền lương, các khoản phụ cấp theo quy định của pháp luật và Trường;

b) Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời Trường có nhu cầu;

c) Trường ban hành và thực hiện quy định về đánh giá hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của giảng viên phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của Trường.

7. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

a) Trường mời giảng viên thỉnh giảng, mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường.

b) Giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học; thực hiện các nhiệm vụ và được hưởng các quyền theo hợp đồng thỉnh giảng được ký giữa Trường với giảng viên thỉnh giảng.

8. Các hành vi giảng viên không được làm

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác;

b) Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học;

c) Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

d) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 42. Người học

1. Người học trong Trường là người đang học tập và nghiên cứu tại Trường bao gồm: Sinh viên của chương trình đào tạo đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sỹ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sỹ và người học của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác.

2. Điều kiện trở thành người học

a) Công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, hoặc theo các điều kiện cụ thể khác, đều có thể được tuyển vào học tại Trường theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Người nước ngoài cũng có thể ghi danh vào học nếu họ đáp ứng các điều kiện tuyển sinh của Nhà trường, có vốn tiếng Việt phù hợp và tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam và các Nước có liên quan.

c) Sinh viên, học sinh, học viên tại Trường phải tuân theo nội quy của Trường, phải đóng học phí đầy đủ kịp thời, cũng như các khoản đóng góp khác theo quy định chung của Nhà trường.

d) Sinh viên, học sinh, học viên được cấp văn bằng tốt nghiệp trong hệ thống văn bằng giáo dục Quốc gia và các chứng chỉ, chứng nhận tương ứng theo đúng Quy chế đào tạo của Trường, quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Sinh viên, học sinh, học viên vào học tại Trường, nếu đạt thành tích học tập xuất sắc, có hoàn cảnh gia đình khó khăn... được Nhà trường xem xét cấp học bổng, miễn giảm học phí, giúp vay từ quỹ tín dụng khuyến học, tạo công ăn việc làm... trong thời gian học tập và khi tốt nghiệp ra Trường.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người học

a) Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.

b) Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

c) Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

d) Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.

đ) Được bảo đảm điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân, tham gia hoạt động đoàn thể, hoạt động vì cộng đồng và hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

e) Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

g) Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.

h) Giữ gìn, bảo vệ tài sản của Nhà trường, góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Nhà trường. Tôn trọng các giá trị văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc;

i) Nộp học phí và các khoản lệ phí theo quy định.

k) Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Các hành vi người học không được làm:

a) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác;

b) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh;

c) Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật;

đ) Các hành vi khác theo nội quy, quy chế, quy định của Trường.

5. Quản lý người học

a) Việc quản lý người học được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Trường;

b) Trên cơ sở quy định của pháp luật, Hiệu trưởng ban hành các quy chế quản lý cụ thể, phù hợp với từng đối tượng người học.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG

Điều 43. Nội dung hoạt động đào tạo

1. Nội dung hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong Trường Đại học Đông Đô bao gồm:

a) Mở ngành, chuyên ngành đào tạo;

b) Xây dựng chương trình và giáo trình, tài liệu;

c) Xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh;

d) Tổ chức và quản lý đào tạo;

đ) Đánh giá quá trình và kết quả dạy - học;

e) Xét tốt nghiệp và cấp văn bằng, phụ lục văn bằng, chứng chỉ cho người học, quản lý văn bằng, chứng chỉ.

2. Nội dung hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng theo nhu cầu của người học (sau đây gọi là đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn) bao gồm:

a) Xác định nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo.

b) Xây dựng chương trình đào tạo và hệ thống học liệu.

c) Tổ chức tuyển sinh; tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận cho người học sau khi hoàn thành khóa học.

Điều 44. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo đối với trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Hiệu trưởng quyết định số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia và các quy định khác của pháp luật.

2. Thời gian đào tạo đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu của người học và theo thỏa thuận giữa Trường với người học hoặc đơn vị phối hợp tổ chức lớp học.

Điều 45. Ngành đào tạo và hình thức đào tạo của trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

1. Trường tổ chức đào tạo các ngành ở các trình độ đào tạo như sau:

a) Đối với trình độ đại học: Ngành Điều dưỡng; ngành Dược học; ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học; ngành Luật kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh; ngành Kế toán; ngành Thương mại điện tử; ngành Tài chính-Ngân hàng; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Ngôn ngữ Trung Quốc; ngành Ngôn ngữ Nhật; ngành Công nghệ thông tin; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường; Ngành Kiến trúc; ngành Xây dựng; ngành Thú y; ngành Quan hệ quốc tế; ngành Việt Nam học; ngành Quản lý Nhà nước.

b) Đối với trình độ thạc sĩ: ngành Quản trị kinh doanh; ngành Tài chính-Ngân hàng; ngành Quản lý công; ngành Quản lý kinh tế; ngành Kiến trúc; ngành Quản lý xây dựng.

c) Đối với trình độ tiến sĩ: Ngành Quản trị kinh doanh ;

d) Căn cứ vào nhu cầu xã hội và năng lực thực tế, Trường mở ngành đào tạo mới hoặc đăng ký đào tạo theo mã ngành đã có theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế này.

2. Trường thực hiện đào tạo các trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa. Việc chuyển đổi giữa các hình thức đào tạo được thực hiện theo nguyên tắc liên thông.

Điều 46. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Luật Giáo dục đại học và đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng đối với một trình độ đào tạo của một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, bao gồm: điều kiện tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối

với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

b) Trường tự chủ trong việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo các yêu cầu:

- Chương trình đào tạo phải đáp ứng các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp, đảm bảo đúng quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành; đảm bảo tính thống nhất kiến thức giữa các học phần trong toàn bộ chương trình đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác. Chương trình chất lượng cao được xây dựng theo tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có nội dung như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy;

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để cập nhật và nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của người học phải đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và hội nhập quốc tế.

c) Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh lý, bổ sung theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội.

d) Trường có thể sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo

a) Giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo của Trường cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, đảm bảo mục tiêu của các trình độ đào tạo.

b) Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình, tài liệu học tập để sử dụng trong quá trình đào tạo theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 47. Tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường được xác định theo ngành, nhóm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với các điều kiện về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của Trường và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác.

b) Trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh; công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có

việc làm của sinh viên tốt nghiệp; bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

2. Tổ chức tuyển sinh

a) Trường tổ chức tuyển sinh đối với các trình độ đào tạo theo phương thức thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

b) Trường tự chủ quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh.

c) Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành và kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có), Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định về tuyển sinh đối với các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 48. Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

1. Trường tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, niên chế hoặc kết hợp tín chỉ và niên chế đối với các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

2. Căn cứ các quy chế đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với các trình độ đào tạo, Hiệu trưởng ban hành các quy định cụ thể về tổ chức và quản lý đào tạo đối với từng trình độ đào tạo.

3. Trường thực hiện liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài trình độ đại học và sau đại học theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Đánh giá kết quả học tập của người học ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

1. Trường thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội của người học trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định cụ thể của Trường về đào tạo, tương ứng với các trình độ đào tạo.

2. Trường quy định thống nhất, công khai các phương pháp, quy trình kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác và xác định được mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của người học trong quá trình đào tạo.

3. Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học thuộc các trình độ đào tạo.

Điều 50. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn

1. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của xã hội, năng lực của Trường, thông qua việc đăng ký hoặc đặt hàng của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Trường chủ động nắm bắt nhu cầu xã hội, kết nối, liên kết hợp tác với các đối tác để mở rộng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; khuyến khích, các đơn vị của Trường, các giảng viên, nhà khoa học tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn bảo

đảm tính linh hoạt và phù hợp theo nhu cầu của người học; Trường khuyến khích và tạo điều kiện cho các giảng viên của Trường tham gia giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.

3. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Trường trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền, giao quyền cho một hoặc một số đơn vị thuộc Trường tổ chức thực hiện. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn phải đảm bảo:

a) Tổ chức quản lý, phục vụ tốt khóa học, người học, kết thúc khóa học phải sát hạch, kiểm tra, đánh giá kết quả người học; khảo sát ý kiến đánh giá của người học về khóa học để rút kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường;

b) Việc in ấn, phát hành giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa học cho người học được quản lý theo đúng các quy định của pháp luật và quy định của Trường;

c) Thu, chi tài chính đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn thực hiện theo đúng quy chế thu, chi tài chính đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Trường ban hành.

Điều 51. Quản lý văn bằng, chứng chỉ

1. Trường cấp văn bằng và phụ lục văn bằng cho người học đối với mỗi trình độ đào tạo khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của pháp luật, đáp ứng chuẩn đầu ra bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của Trường thì được Hiệu trưởng cấp bằng cử nhân và phụ lục kèm theo văn bằng.

b) Học viên cao học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của Trường thì được Hiệu trưởng cấp bằng thạc sĩ và phụ lục kèm theo văn bằng.

c) Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của Trường thì được Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ và phụ lục kèm theo văn bằng.

d) Người học đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp và dự thi đạt yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp chứng chỉ hoặc Giấy chứng nhận phù hợp với quy định về cấp chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trường cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận cho người học sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Trường tổ chức theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

3. Trường thực hiện quản lý văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ của Trường do Hiệu trưởng ban hành.

4. Trường thực hiện công khai các thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học trên Cổng thông tin điện tử của Trường và chịu trách nhiệm về giá trị văn bằng; chứng chỉ do Trường cấp.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Điều 52. Hoạt động hợp tác, liên kết trong nước

1. Hoạt động hợp tác trong nước của Trường bao gồm các hoạt động liên kết, hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường với các tổ chức, cá nhân được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

a) Liên kết đào tạo của Trường nhằm thực hiện chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội, huy động tiềm năng của các trường, cơ sở giáo dục khác, nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương, tạo cơ hội học tập cho nhiều người trên cơ sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu công bằng và xã hội hóa giáo dục.

b) Trường khuyến khích các đơn vị trực thuộc Trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động liên kết hợp tác trong nước, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Trường và liên kết với các địa phương, các ngành phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế của Trường.

c) Trường chú trọng tăng cường việc hợp tác với các trường và cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong nước.

d) Trong việc liên kết đào tạo, Trường là đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm về chương trình đào tạo và thực hiện cấp bằng, chứng chỉ của Trường.

2. Mọi hoạt động liên kết hợp tác trong nước phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và quy định chung của pháp luật.

Điều 53. Hoạt động hợp tác, liên kết quốc tế

1. Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường bao gồm các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường với các cơ sở giáo dục, tổ chức khác và cá nhân nước ngoài.

2. Trường chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ, thỏa thuận về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài; mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, trao đổi sinh viên và trao đổi kinh nghiệm... theo các quy định của Việt Nam, tổ chức quốc tế và Nước có liên quan.

3. Trường xây dựng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định; huy động nguồn lực để thực hiện tốt các thỏa thuận, các dự án phù hợp với các quy định của Việt Nam, tổ chức quốc tế và Nước có liên quan.

4. Trường tổ chức thí điểm nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với các trường đại học, tổ chức giáo dục và khoa học công nghệ có uy tín trên thế giới và khu vực, trên cơ sở đó kiến nghị Bộ giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận là chương trình đào tạo chính thức của Trường.

5. Trường tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, diễn đàn giáo dục theo các quy định của Nhà trường, của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định có liên quan.

6. Trường chủ động tham gia các tổ chức quốc tế về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa theo quy định của tổ chức tương ứng và phù hợp với pháp luật của Việt Nam.

7. Trường khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên, cán bộ nhân viên và sinh viên, học viên của Nhà trường ra nước ngoài học tập nâng cao trình độ, trao đổi kinh nghiệm học thuật theo các chương trình của Nhà nước, của Nhà trường hoặc tự túc hoặc bằng kinh phí do tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài tài trợ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động hợp tác quốc tế: Nhiệm vụ và quyền hạn về hoạt động hợp tác quốc tế của Trường thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của nhà trường phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế được quy định tại Điều 43 của Luật Giáo dục đại học và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

b) Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo thẩm quyền.

c) Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

9. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế:

a) Tổ chức đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của Nhà trường.

b) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường phù hợp với quy định tại Điều lệ trường đại học và các văn bản pháp luật liên quan khác.

c) Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

d) Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, THANH TRA, PHÁP CHẾ

Điều 54. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Bám sát các yêu cầu của xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

3. Hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo được tiến hành thường xuyên, toàn diện và đồng bộ, có giải pháp nhằm liên tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo;

4. Huy động và phối hợp đồng bộ tất cả các nguồn lực (nhân lực và vật lực) tham gia vào hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo, từng bước tạo lập văn hóa chất lượng trong toàn Trường;

5. Kiểm soát có hệ thống, khách quan, trung thực và minh bạch thông tin về chất lượng đào tạo.

Điều 55. Hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về đảm bảo chất lượng đào tạo cho từng giai đoạn phát triển của Trường. Công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch đảm bảo chất lượng được thực hiện với sự tham gia của toàn thể cán bộ, giảng viên, chuyên viên và người học của Trường;

2. Xây dựng và vận hành các quy trình quản lý chất lượng cho mọi hoạt động của Trường. Các quy trình quản lý chất lượng do các đơn vị trong Trường xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận tham gia vào quy trình;

3. Thường xuyên giám sát và đánh giá từng yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo thông qua các tiêu chí và công cụ đánh giá khách quan;

4. Thường xuyên tổ chức các hoạt động đổi mới và nâng cao hiệu quả phương pháp dạy học cho giảng viên và phương pháp học tập cho người học;

5. Xây dựng mối liên hệ thường xuyên giữa Trường với các tổ chức, cá nhân bên ngoài có liên quan (người sử dụng lao động, cựu sinh viên, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan nhà nước có liên quan) để thu thập ý kiến đánh giá từ bên ngoài về chất lượng đào tạo của Trường;

6. Thực hiện tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo định kỳ theo quy định của pháp luật;

7. Thường xuyên cập nhật thông tin và thu thập, lưu giữ các minh chứng có liên quan đến chất lượng đào tạo của Trường; công bố công khai các thông tin liên đến chất lượng đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin khác. Các đơn vị và cá nhân trong Trường có trách nhiệm lưu giữ các minh chứng có liên quan đến chất lượng đào tạo của Trường trong phạm vi nhiệm vụ được giao, thực hiện chế độ công bố và sử dụng thông tin theo đúng các quy định của Trường

8. Thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng khác theo nhu cầu của Trường và theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 56. Hoạt động thanh tra

Hoạt động thanh tra của Trường là hoạt động thanh tra nội bộ, được thực hiện trong phạm vi quản lý của Trường nhằm phòng ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế, nội quy của Trường; phát hiện những thiếu sót trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Hoạt động thanh tra của Trường bao gồm:

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách và pháp luật về đào tạo;
2. Thanh tra việc thực hiện mục tiêu, chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp đào tạo;
3. Thanh tra về thực hiện quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ;
4. Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ của người học;
5. Thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản, khoa học công nghệ, tổ chức cán bộ và các điều kiện khác đảm bảo chất lượng đào tạo;
6. Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác đào tạo;
7. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tiêu cực trong đào tạo;
8. Báo cáo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về công tác thanh tra, kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thanh tra đào tạo.

Điều 57. Hoạt động pháp chế

Hoạt động pháp chế của Trường là hoạt động chuyên môn, được thực hiện nhằm tham mưu, tư vấn cho Hội đồng trường và Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường; bảo đảm cho nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế. Hoạt động pháp chế của Trường bao gồm:

1. Thẩm định nội dung các văn bản quy phạm nội bộ trước khi ban hành nhằm

đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm của Trường;

2. Tham gia ý kiến, góp ý cho dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước gửi xin ý kiến của Trường;

3. Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm nội bộ của Trường nhằm phát hiện các quy định trái pháp luật, chông chéo, mâu thuẫn, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; văn bản quy phạm nội bộ của Trường;

5. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm nội bộ của Trường;

6. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả và xử lý các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong hoạt động của Trường;

7. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật; phổ biến các văn bản quy phạm nội bộ của trường cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên trong trường.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 58. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Trường thực hiện các quy định về nguồn tài chính, học phí, lệ phí tuyển sinh, quản lý tài chính, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Về tài chính

a) Trường thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về các hoạt động kiểm tra, kiểm toán, thống kê, thuế và các quy định liên quan về tài chính của trường đại học tự thực.

b) Trường có nguồn vốn điều lệ từ sự đóng góp của các Nhà đầu tư và các Thành viên có liên quan. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Hội nghị Nhà đầu tư của Trường quyết định theo nhu cầu thực tế phát triển Nhà trường và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

c) Trường có quyền vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất dịch vụ. Việc vay vốn và mở rộng này đều phải thông qua Hội đồng Trường do Chủ tịch Hội đồng trường trình.

3. Nguồn thu tài chính:

a) Thu vốn góp của Nhà đầu tư theo Điều 10, Điều 14 của Quy chế này;

b) Thu học phí, lệ phí từ hoạt động đào tạo người học theo quy định;

c) Thu từ các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, lao động sản xuất, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Thu từ nguồn vay tín dụng, vay từ tổ chức, cá nhân;

đ) Các khoản thu nhập hợp pháp khác như lãi ngân hàng, lợi tức đầu tư vào đơn vị khác, từ nguồn tài trợ, quà tặng...theo quy định.

4. Các khoản chi:

a) Chi tiền lương, phụ cấp, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động. Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, giảng viên, nhân viên;

b) Các khoản chi phục vụ giáo dục đào tạo và liên quan:

- Học bổng, khen thưởng cho sinh viên;

- Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao của sinh viên;

- Hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới, các phương tiện để phục vụ việc giảng dạy học tập cho sinh viên, học viên;

c) Chi phí quản lý hành chính;

d) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, chi chuyển quyền sử dụng đất, chi xây dựng Trường, mua sắm tài sản mới, sửa chữa thường xuyên;

đ) Trích khấu hao tài sản cố định, công cụ lao động;

e) Chi trả vốn gốc và lãi vay ngân hàng;

g) Chi các hoạt động nhân đạo, từ thiện;

h) Chi các khoản phúc lợi hàng năm cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, Ban giám hiệu, Hội đồng Trường;

i) Các khoản chi khác phù hợp với luật pháp, phù hợp với xu thế phát triển và phù hợp với quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư, Hội đồng Trường.

5. Kế hoạch thu, chi tài chính: Trường điều hành tài chính căn cứ trên kế hoạch tài chính được Hội đồng Trường, Hội nghị Nhà đầu tư thông qua hàng năm. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, Hội đồng Trường, Ban Kiểm soát giám sát, kiểm tra các hoạt động tài chính của Ban Giám hiệu và hệ thống điều hành của Nhà trường.

6. Trường áp dụng một số giải pháp để hỗ trợ cho việc xây dựng kế hoạch và thực hiện điều hành thu, chi minh bạch và hiệu quả như sau:

a) Thực hiện thu học phí và các khoản thu khác từ người học tập trung qua tài khoản do Trường chỉ định.

b) Quản lý tài chính và tổ chức thực hiện công tác kế toán trên các phần mềm ứng dụng do Trường phát triển hoặc mua của các nhà cung cấp có uy tín.

c) Trường thực hiện chế độ tài chính công khai, hàng quý Hiệu trưởng có báo cáo tài chính gửi Hội đồng trường, có xác nhận của thành viên Hội đồng trường phụ trách tài chính, kiểm soát nội bộ và Trường Ban Kiểm soát.

7. Sử dụng phân tài chính chênh lệch giữa thu và chi:

a) Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, đóng góp các khoản thuế theo quy định của pháp luật;

b) Chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ vốn góp sau khi đã thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định hiện hành và theo quy chế tài chính nội bộ, quy chế tổ chức hoạt động của Trường;

c) Mức chi trả thu nhập cho người lao động và mức chi lợi tức cho các Thành viên góp vốn và các chi khác thực hiện theo quy chế tài chính, chi tiêu nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

Điều 59. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Toàn bộ tài sản của Trường thuộc sở hữu của các thành viên góp vốn. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tỷ lệ với số cổ phần mà Nhà đầu tư đó sở hữu tại Trường.

2. Định kỳ hàng năm, tài sản được kiểm kê và đánh giá lại giá trị, tổ chức kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc cách năm để xác nhận trung thực việc bảo toàn giá trị vốn của Trường.

3. Tài sản của Trường được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. Trường được sử dụng tài sản vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục.

4. Tài chính và tài sản, sử dụng tài chính và tài sản của Trường được kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát theo Quy chế này. Việc mua sắm tài sản thực hiện theo Quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ của Trường.

5. Tổ chức, cá nhân được Nhà trường giao tài sản phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng với mục đích và yêu cầu của trường. Trường hợp làm thất thoát, hư hỏng do lỗi chủ quan thì phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định.

Chương IX

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 60. Quan hệ giữa Nhà trường và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp

1. Trường chịu sự quản lý về giáo dục đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo, các Bộ ngành có liên quan đến các ngành nghề mà Trường đào tạo thuộc các Bộ ngành đó quản lý về chuyên môn. Trường chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Trường quan hệ với các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức hữu quan ở trong và ngoài nước để: Xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp, ký

các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

3. Trường phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao.

4. Trường tạo điều kiện để các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường quan hệ với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phối hợp để thực hiện tốt các nội dung:

5. Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống.

6. Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn của người học, ngăn chặn việc sử dụng ma túy và các tệ nạn xã hội khác xâm nhập vào Nhà trường.

7. Hỗ trợ theo khả năng về tài lực, vật lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, công tác của cán bộ, giảng viên và người học trong Nhà trường.

Điều 61. Quan hệ giữa Trường đối với các bên liên quan trong xã hội

1. Trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục tại Nhà trường, gia đình và xã hội; xây dựng Trường thực sự trở thành trung tâm giáo dục, văn hóa, khoa học.

2. Trường công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường các thông tin về:

a) Chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường;
b) Cam kết về chất lượng đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, về đội ngũ giảng viên, điều kiện phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của người học tại Trường;

c) Các kết quả đào tạo, khoa học và công nghệ;

d) Chỉ tiêu, điều kiện, kế hoạch và phương thức tuyển sinh hàng năm, tổ chức đào tạo, đánh giá quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ và các quy định riêng của Trường liên quan đến học tập, rèn luyện, quyền và nghĩa vụ của người học.

đ) Số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp, thông tin về cấp phát văn bằng, chứng chỉ, những thông tin về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp;

3. Trường thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, có giải pháp thu hút các tổ chức xã hội, các tổ chức tuyển dụng, các doanh nghiệp, các bên liên quan khác tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, góp ý kiến cho Nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo, phát triển chương trình đào tạo, hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp, giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.

4. Phổ biến trong cộng đồng các tri thức khoa học, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng, phát triển công nghệ.

5. Trách nhiệm xã hội của Nhà trường thể hiện ở các hoạt động: Báo cáo, công khai và giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường theo quy định của pháp luật; cam kết với cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động để đạt được các cam kết; không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Chương X **CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ**

Điều 62. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các Nhà đầu tư, hoặc giữa các tổ chức, cá nhân trong Trường trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải tại cơ sở.

2. Trong quá trình hoạt động, nếu phát sinh vấn đề gì không được dự liệu trong bản Quy chế này thì cơ sở để giải thích, giải quyết được chọn là Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Doanh nghiệp, các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo có liên quan đến hoạt động của các Trường ngoài công lập.

3. Trong trường hợp các bên tranh chấp không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Chuyển đổi và giải thể

1. Chuyển đổi

Nhà trường có thể thay đổi mục tiêu và phương thức đào tạo cho phù hợp với nhiệm vụ và hoàn cảnh khách quan đặt ra các yêu cầu mới. Sự thay đổi này phải được Hội đồng trường nhất trí tán thành và được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Giải thể

a) Trong trường hợp Nhà trường hoạt động bị thua lỗ quá ba phần tư vốn điều lệ, hoặc khi trường đối diện với một lý do khách quan nào đó mà không thể tiếp tục hoạt động được, Hội đồng Trường sẽ xem xét đến khả năng giải thể Trường. Nếu đa số các thành viên trong Hội đồng không đồng ý giải thể thì

Trường tiếp tục hoạt động với việc bổ sung thêm một phần vốn tối thiểu để có thể phục hồi đủ số vốn điều lệ như đã quy định theo Quy chế này.

b) Việc giải thể Trường trong bất cứ trường hợp nào cũng đều phải được sự đồng ý của nhóm các Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất ba phần tư số vốn điều lệ chấp thuận và phải theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giải thể trường, cũng như các quy định pháp luật liên quan do Nhà nước ban hành.

Điều 64. Thanh lý và tranh tụng

1. Khi có quyết định giải thể, Hội đồng Trường phải thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, cử thanh lý viên thay thế cho các Thành viên của Hội đồng Trường để tiến hành thanh lý tài sản của Trường theo thể lệ hiện hành.

2. Trong quá trình thanh lý, Hội đồng thanh lý cùng Ban Kiểm soát tiến hành công việc đúng theo các quy định pháp luật áp dụng cho hình thức công ty cổ phần (hoặc các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập).

3. Các tranh tụng đối với bên thứ ba ở ngoài Nhà trường trong thời gian hoạt động, cũng như trong thời kỳ thanh lý, đều do cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 65. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với nội dung Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các đơn vị hoặc cá nhân đề nghị bằng văn bản gửi Ban Giám hiệu dự thảo và trình Hội đồng Trường xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 66. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các đơn vị trực thuộc, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trường các đơn vị trực thuộc Trường cụ thể hóa Quy chế này thành các quy định, quy trình nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị và không trái với các nội dung của Quy chế đã được thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Trịnh Hữu Tuấn

PHỤ LỤC I

BIỂU TRƯNG CHÍNH THỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

*(Kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô
ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 10 năm
2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô)*



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

*(Kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô
ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 10
năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô)*

I. Các khoa

1. Khoa Kinh tế
2. Khoa Quản lý Nhà nước
3. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ
4. Khoa Khoa học xã hội
5. Khoa Ngôn ngữ Anh
6. Khoa Ngôn ngữ Nhật
7. Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc
8. Khoa Xây dựng
9. Khoa Kiến trúc
10. Khoa Luật Kinh tế
11. Khoa Tài chính - Ngân hàng
12. Khoa Kế toán
13. Khoa Điều dưỡng
14. Khoa Dược - Xét nghiệm
15. Khoa Thú y

II. Các bộ môn thuộc Trường

1. Bộ môn Giáo dục thể chất

III. Các phòng chức năng và tương đương

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp;
2. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên;
3. Phòng Tài chính - Kế toán;
4. Phòng Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng;
5. Trung tâm tuyển sinh;
6. Trung tâm Công nghệ thông tin;
7. Trung tâm Đào tạo từ xa Duni;
8. Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Quốc tế;
9. Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng, chuyển giao công nghệ;
10. Trung tâm ngoại ngữ, tin học và bồi dưỡng;

11. Trung tâm tin học, ngoại ngữ Hdiu.

IV. Viện

1. Viện Đào tạo sau đại học;
2. Viện Nghiên cứu, Quản lý Khoa học và Công nghệ;
3. Viện Đào tạo thường xuyên Duni;
4. Viện Khoa học xã hội đổi mới và sáng tạo;
5. Viện Đào tạo Duni Hồ Chí Minh.

V. Cơ quan báo chí: Tạp chí Khoa học, Công nghệ và Phát triển.

PHỤ LỤC I

BIỂU TRƯNG CHÍNH THỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

(Kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô)



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

(Kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐT-DHDD ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô)

I. Các khoa

1. Khoa Kinh tế
2. Khoa Quản lý Nhà nước
3. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ
4. Khoa Khoa học xã hội
5. Khoa Ngôn ngữ Anh
6. Khoa Ngôn ngữ Nhật
7. Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc
8. Khoa Xây dựng
9. Khoa Kiến trúc
10. Khoa Luật Kinh tế
11. Khoa Tài chính - Ngân hàng
12. Khoa Kế toán
13. Khoa Điều dưỡng
14. Khoa Dược - Xét nghiệm
15. Khoa Thú y

II. Các bộ môn thuộc Trường

1. Bộ môn Giáo dục thể chất

III. Các phòng chức năng và tương đương

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp;
2. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên;
3. Phòng Tài chính - Kế toán;
4. Phòng Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng;
5. Trung tâm tuyển sinh;
6. Trung tâm Công nghệ thông tin;
7. Trung tâm Đào tạo từ xa Duni;
8. Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Quốc tế;
9. Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng, chuyển giao công nghệ;
10. Trung tâm ngoại ngữ, tin học và bồi dưỡng;

11. Trung tâm tin học, ngoại ngữ Hdiu.

IV. Viện

1. Viện Đào tạo sau đại học;
2. Viện Nghiên cứu, Quản lý Khoa học và Công nghệ;
3. Viện Đào tạo thường xuyên Duni;
4. Viện Khoa học xã hội đổi mới và sáng tạo;
5. Viện Đào tạo Duni Hồ Chí Minh.

V. Cơ quan báo chí: Tạp chí Khoa học, Công nghệ và Phát triển.